
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 (LICOGI 16)



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 21/03/2010)

Báo cáo thường niên này sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần LICOGI 16

- ❑ 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- ❑ Điện thoại: (84.8) 38 411 375 Fax: (84.8) 38 411 376
- ❑ www.licogi16.com Email: info@licogi16.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Phạm Xuân Diện**

Chức vụ: Tp. Kinh tế

Số điện thoại: (84.8) 38 411 375

Fax: (84.8) 38 411 37

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 16
Mã giao dịch:	LCG
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)	
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:	37.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	375.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội

Điện thoại: 84-438241990 Fax: 84-438253973

Hội đồng quản trị công ty:

1. Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
2. Ông Lê Văn Nga	Thành viên
3. Ông Vũ Công Hưng	Thành viên
4. Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên
5. Ông Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
6. Bà Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên
7. Jean – Eric Jacquemin	Thành viên, bầu bổ sung từ ngày: 28/10/2010.

Ban Tổng giám đốc

1. Ông Lê Văn Nga	Tổng giám đốc
2. Ông Hoàng Minh Khai	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng giám đốc
4. Ông Vũ Công Hưng	Phó Tổng giám đốc
5. Ông Đoàn Thuận Chí	Phó Tổng giám đốc, đến hết ngày 17/11/2010.
6. Ông Trịnh Thế Dũng	Phó Tổng giám đốc, bổ nhiệm 04/05/2010

Ban Kiểm soát

1. Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
2. Bà Phạm Thị Minh Hiền	Thành viên

3. Ông Phạm Xuân Diện Thành viên

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÔNG TY

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Licogi 16 trước đây là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (Licogi) được thành lập theo quyết định số 427/QĐ – BXD ngày 08/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng tại Tp Hồ Chí Minh.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc chuyển đổi các Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Năm 2005 Công ty tiến hành công tác cổ phần hoá và đến năm 2006 Công ty Xây dựng số 16 chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 16 theo Quyết định số 327/QĐ-BXD ngày 28/02/2006 và Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 31/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty chính thức nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM cấp ngày 02/06/2006.

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16**

Tên giao dịch đối ngoại: **LICOGI 16 JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch viết tắt: **LICOGI 16**

Logo Công ty



- Trụ sở giao dịch của Công ty:

- Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Điện thoại: (84.8) 38 411 375 – (84.8) 32445477 Fax: (84.8) 38 411 376
- Email: info@licogi16.com Website: www.licogi16.com
- Mã số thuế: 0302310209
- Nơi mở tài khoản:

T T	Ngân hàng giao dịch	Số tài khoản	Ghi chú
--------	---------------------	--------------	---------

1	Nông nghiệp và phát triển nông thôn- CN Đông Sài Gòn	6280.00.030192	VND
2	Ngân hàng TMCP tiên phong (TB bank)	26091985001	VND
3	Ngân hàng liên doanh Lào- việt	040.00.7300.00097.4	USD

Ngành nghề kinh doanh:

Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.

Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng; cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất, gia công tại trụ sở).

Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật; tư vấn đầu tư. Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình.

Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ.

Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng.

Thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Đào tạo cao đẳng. Giáo dục trung học phổ thông.

Vốn điều lệ: 375.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng)

Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

Bảng 1: Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Thời gian kết thúc đợt tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VNĐ)	Phương thức
30/12/2006	12.000.000.000	13.000.000.000	25.000.000.000	Chào bán ra công chúng.
30/06/2007	25.000.000.000	31.500.000.000	56.500.000.000	Bán cho CBNV, Cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược, bán riêng lẻ cho các Nhà đầu tư lớn theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 7/02/07.

30/03/2008	56.500.000.000	79.500.000.000	136.000.000.000	Chào bán ra công chứng theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chứng số 232/UBCK-GCN ngày 29/11/2007
30/6/2009	136.000.000.000	68.000.000.000	204.000.000.000	Chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50%.
20/11/2009	204.000.000.000	46.000.000.000	250.000.000.000	Chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn
30/09/2010	250.000.000.000	125.000.000.000	375.000.000.000	Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 50%.

Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận đối với Tập thể Công ty Cổ phần LICOGI 16 từ năm 2005 - 2010:

Năm	Số ký hiệu QĐ	Ngày/tháng/năm	Cấp khen thưởng	Thành tích Công ty
2005	09/QĐ-BXD	04/01/ 2006	Bộ Xây dựng	Tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm 2005
	71 QĐ/TV. ĐUK	30/3/ 2006	Đảng bộ Khối CS BXD	Cơ sở đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh năm 2005
	983 QĐ/ TTg	21/7/ 2006	Thủ tướng Chính phủ	Tặng Bằng khen Đơn vị đã có thành tích trong công tác từ 2001-2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc
2006			Bộ Xây dựng	Tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm 2006
	509/QĐ-BXD		Bộ Xây dựng	Bộ XD tặng Bằng khen Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác
	38/QĐ-CĐXD VN	17/01/ 2007	Công đoàn XD VN	Tặng cờ đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc năm 2006
2007	902 QĐ/ TCT-TĐKT	04/7/ 2007	Tcty LICOGI	Đơn vị có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm. Đơn vị đứng thứ nhất trong Tcty XD và PT hạ tầng.
	1441/ 2007/ QĐ-CTN	27/11/ 2007	Chủ tịch Nước	Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho đơn vị đã có thành tích XS trong công tác từ năm 2002-2006, góp phần vào sự nghiệp XD

				CNXH và bảo vệ Tổ quốc.
	03/QĐ-BXD	03/01/08	Bộ Xây dựng	Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng
2008			Bộ Xây dựng	Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng
	08-QĐ/ĐUK	5/3/2009	Đảng ủy khối CS BXD	Đảng bộ cơ sở Trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2008
2009			Đảng ủy khối CS BXD	Đảng bộ cơ sở Trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009
2010	79/QĐ-ĐUK	24/11/2010	Đảng ủy khối CS BXD	Đảng bộ Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã có thành tích trong 04 năm thực hiện cuộc vận động và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
	235/QĐ-CTN	25/02/2011	Chủ Tịch Nước	Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng hai cho Công ty Cổ phần LICOGI 16.

I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa quý vị Cổ đông,

Trong năm 2010 vừa qua, Công ty Cổ phần LICOGI 16 (Mã chứng khoán LCG) đã thực hiện các chỉ tiêu SXKD đạt và vượt kế hoạch đề ra trong điều kiện diễn biến phức tạp của các chỉ số vĩ mô nền kinh tế nước ta đã tác động không ít tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2010, là cột mốc quan trọng đánh dấu chặng đường mười năm phát triển của công ty. Ngày 18 tháng 3 năm 2011, Công ty đã long trọng tổ chức thành công Lễ đón nhận huân chương lao động hạng nhì và kỷ niệm 10 năm thành lập công ty - Đây là phần thưởng cao quý của Đảng và nhà nước trao tặng vì sự đóng góp đặc biệt của tập thể Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần LICOGI16 đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Hy vọng thông qua sự kiện này, với kết quả sản xuất kinh doanh tốt trong năm qua cùng với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự điều hành linh hoạt của Ban tổng giám đốc và một tập thể đoàn kết sẽ đưa công ty phát triển lên tầm cao mới trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây lắp.

Để có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty Cổ phần LICOGI16 đã nhận được sự ủng hộ, động viên và niềm tin của quý vị cổ đông. Thay mặt cho HĐQT tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Quý vị cổ đông, đồng thời xin báo cáo với quý vị kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 và định hướng phát triển năm 2011.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2010

1. Tình hình môi trường kinh doanh

Trong năm 2010, tác động khách quan của tình hình thế giới và chủ quan của các chính sách vĩ mô đã ảnh hưởng rất lớn đến ngành kinh doanh bất động sản, có thể nêu ra một số điểm như sau:

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn hỗ trợ phát triển chính thức chưa được khai thông mạnh mẽ do sự khó khăn, bất ổn của các quốc gia có nguồn tài trợ do còn ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính. Vì vậy đã ảnh hưởng đến tiến độ khởi công các công trình mới và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn để thực hiện các dự án hiện hữu, đã ảnh hưởng đến kinh doanh xây lắp.
- Lạm phát trong năm tăng ở mức hai con số và vượt xa so với kế hoạch của chính phủ đề ra đầu năm đã ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của công ty tăng cao, giá thành xây dựng bị đội lên trước sự bị động của công ty.
- Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010, và thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 về việc hướng dẫn thi hành luật nhà ở đã được ban hành và được áp dụng vào thực tế đã ảnh hưởng đến sức cầu về nhà ở và nền đất, các nhà đầu tư e ngại khi bỏ vốn đầu tư vào Bất động sản làm giảm lượng giao dịch trên quy mô toàn quốc.
- Thông tư số 13 áp dụng ngày 1/10/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định về hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay Bất động sản của các ngân hàng làm hạn chế dòng tiền đổ vào bất động sản do vậy đã ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường.
- Sự biến động của giá vàng và USD, đã tăng tính hấp dẫn cho giới đầu cơ vì vậy đã hút lượng vốn vào các thị trường này, cùng với lãi suất cao khiến cho vốn tập trung vào trực tiếp sản xuất bị thiếu hụt. Đồng thời thị trường chứng khoán biến động giảm nên việc huy động vốn trên thị trường không đạt được kế hoạch.

Những thuận lợi trong năm 2010:

- Sự kết hợp và hỗ trợ cho nhau giữa hai lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư kinh doanh bất động sản và thi công xây dựng đã giúp Công ty cổ phần LICOGI16 phát triển bền vững trong thời gian vừa qua. Đặc biệt trong năm 2010, thị trường bất động sản khó khăn thì các dự án về xây lắp đã duy trì và phát huy hiệu quả tạo được công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp tỷ trọng cao doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đã vững tin, nhạy bén đưa ra các quyết định kịp thời theo từng thời điểm và chỉ đạo chi tiết từng vấn đề để đạt được kế hoạch đề ra.
- Tập thể ban lãnh đạo công ty, các cán bộ quản lý công ty và tất cả cán bộ công nhân viên công ty tin tưởng vào định hướng phát triển của công ty, đoàn kết nhất trí một lòng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đặt ra.
- Sự ủng hộ, niềm tin của cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty đã góp phần giúp sức, tạo động lực và khuyến khích tinh thần cho chúng tôi thực hiện nhiệm vụ của mình. Đặc biệt các cổ đông lớn, các cổ đông là tổ chức đã thường xuyên liên lạc với công ty, thường xuyên đóng góp những giải pháp về vốn, về thị trường giúp ban lãnh đạo công ty có những giải pháp lựa chọn hợp lý.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

- **Tổng doanh thu thuần cả hệ thống LICOGI 16:** 1.868.418.000.000 đồng

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI 16: 1.011.543.000.000 đồng đạt 137,44% so với kế hoạch đề ra đầu năm, tăng 75% so với thực hiện năm 2009.

+ Các công ty thành viên: 856.418.000.000 đồng.

- **Lợi nhuận sau thuế tính riêng của LICOGI 16:** 225.212.000.000 đồng, đạt 107,24% so với kế hoạch và tăng 3% so với thực hiện năm 2009 (Lợi nhuận sau thuế năm 2009 là: 218.344.000.000 đồng).

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần:** 23,56%

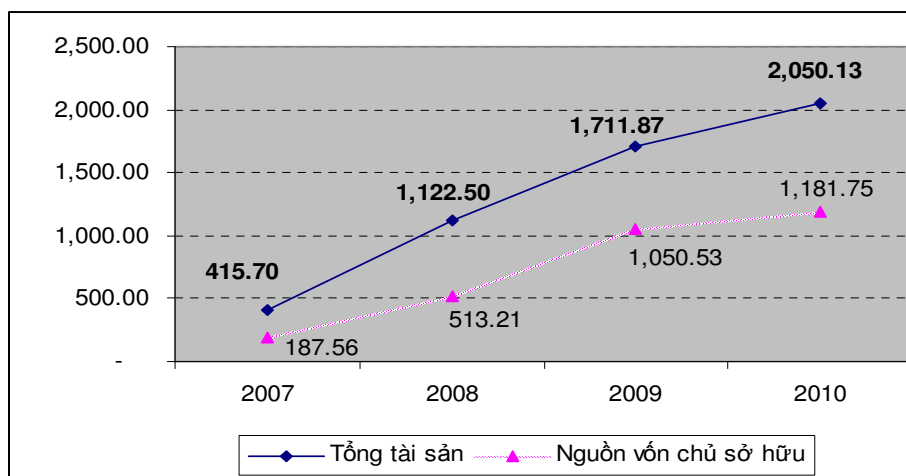
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ 375.000.000.000 đ:** 60,06%.

- **Thu nhập trên mỗi cổ phần:** 7.369 đồng (tính theo số cổ phần lưu hành bình quân trong năm).

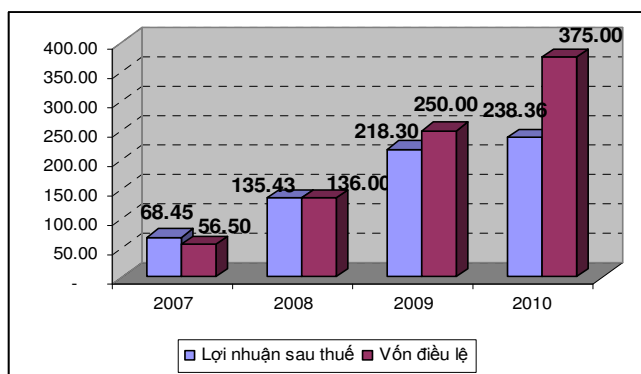
- **Cổ tức dự kiến:** chia bằng tiền 20% và chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 50% tính trên mệnh giá.

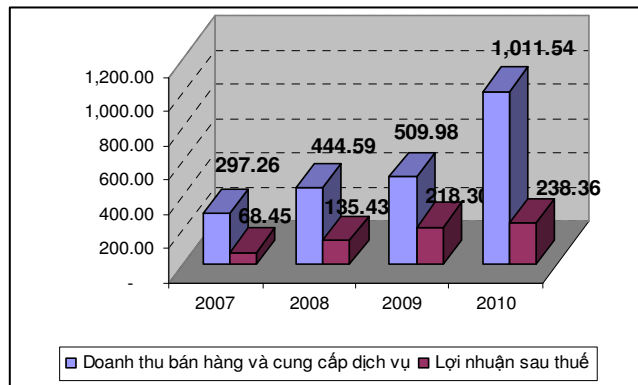
Biểu đồ so sánh sự tăng trưởng của công ty qua các năm

Biểu đồ: So sánh giữa tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu

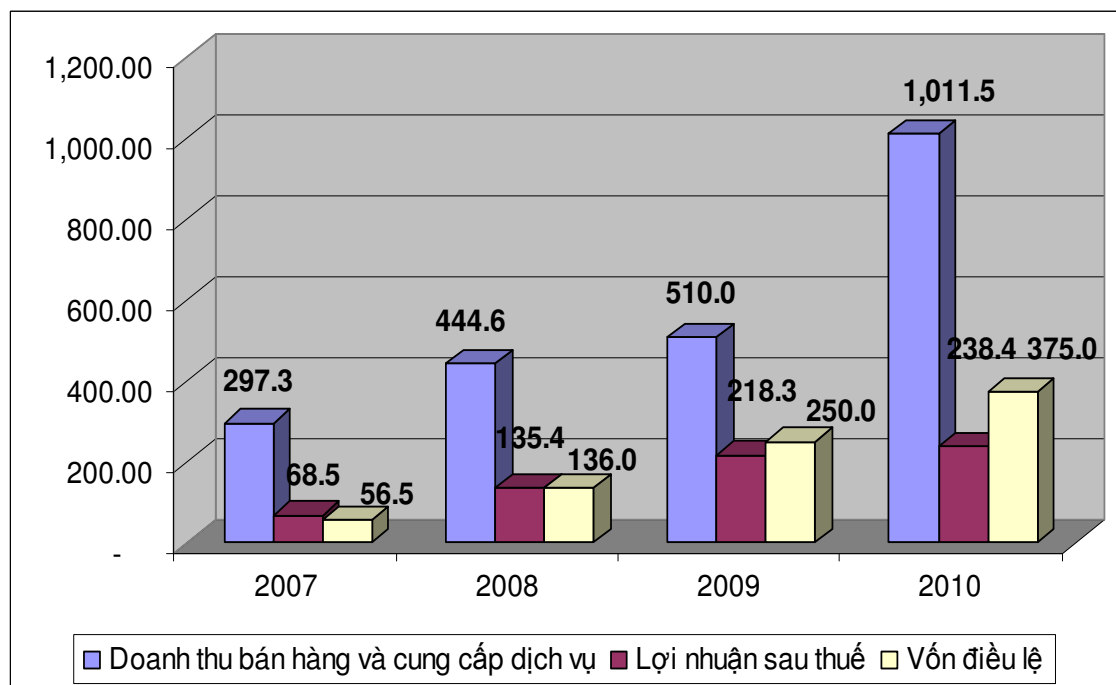


Biểu đồ: Doanh thu và lợi nhuận qua các năm (đvt: tỷ đồng)





Biểu đồ: Doanh thu, lợi nhuận và vốn điều lệ qua các năm (đvt: tỷ đồng)



Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của cả hệ thống LICOGI16

Đvt: Tr. đồng

TT	Tên Công trình	Thực hiện năm 2010			Tỷ lệ % thực hiện năm 2010 so với kế hoạch 2010		
		Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế TNDN

	Cả hệ thống LICOGI16 (I+II+III+IV+V)	2,354,708	1,868,418	286,171	124.98	135.74	114.53
I	Công ty cổ phần LICOGI 16	1,342,000	1,011,543	225,212	153.72	137.44	107.24
II	Công ty TNHH Siêu Thành	11,501					
III	Công ty TNHH TM DV Điện Phước	24,062					
IV	Công ty TNHH xây dựng 12	61,900					
V	CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	915,245	856,418	60,959	100.47	133.72	152.90
V.1	Công ty cổ phần LICOGI 16.1	73,087	64,960	548	72.36	60.37	12.53
V.2	Công ty cổ phần LICOGI 16.2	91,016	96,264	(12,300)	67.42	96.26	
V.3	Công ty cổ phần LICOGI 16.5	64,257	35,015	3,100	85.68	50.02	60.78
V.4	Công ty cổ phần LICOGI 16.6	501,029	450,850	12,477	277.58	300.17	117.23
V.5	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	11,324	9,239	1,001	78.64	76.99	40.04
V.6	Công ty CP Licogi 16.9	39,738	30,664	4,572	88.13	81.40	114.30
V.7	Công ty cổ phần cơ khí LICOGI 16	102,905	77,959	223	64.32	51.97	2.65
V.8	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	29,660	89,875	51,336	148.30	691.35	
V.9	Công ty cổ phần điện lực Licogi 16	2,229	1,592	2.00			

3. Đánh giá các mặt hoạt động trong năm 2010

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính năm 2010 và so sánh với các năm trước

STT	CHỈ TIÊU		31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1	Cơ cấu tài sản				
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29.82	41.66	42.06
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70.18	58.34	57.94
2	Cơ cấu nguồn vốn				

	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	54.28	38.63	41.99
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	45.72	61.37	58.01
3	Khả năng thanh toán				
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.97	1.5	0.89
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.61	1.97	1.87
4	Tỷ suất lợi nhuận				
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12.07	12.75	11.63
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	30.46	42.8	23.56
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	26.39	21.44	20.17
5	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (đồng)				
	- Thu nhập trên cổ phần	đ	11,581	12,883	7,369
	- Giá trị sổ sách trên cổ phần	đ	42,500	59,892	31,513

3.2. Tình hình triển khai và thực hiện các dự án đầu tư năm 2010:

1. Dự án Khu dân cư Long Tân 240 ha xã Long Tân và Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai

+ *Giai đoạn 1 với diện tích 50ha:* Công ty đã tiến hành xây dựng cơ bản hoàn tất phần cơ sở hạ tầng (hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện nước, cây xanh...), đã bàn giao đất và sổ đỏ cho các hộ dân tham gia góp vốn. Công ty đã thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước: nộp tiền sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ... Trong năm 2010, chỉ kinh doanh được 7.930,3m² với tổng giá trị hợp đồng 21,9 tỷ đồng.

+ *Giai đoạn 2 với diện tích 27 ha:* Công ty đang triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đã thi công hoàn hiện khoảng 80% khối lượng. Đang tiến hành bàn giao đất cho các hộ dân đã tham gia góp vốn. Công ty đã đóng tiền sử dụng đất cho Ngân sách nhà nước và đang tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định để đề nghị nhà nước cấp sổ đỏ cho từng lô đất. Trong năm kinh doanh được 2.835,35m² với tổng giá trị hợp đồng 7,088 tỷ đồng.

+ *Giai đoạn 3 với diện tích 83ha:* Hoàn thiện toàn bộ các thỏa thuận cam kết với các đối tác, đã bàn giao hồ sơ pháp lý và mặt bằng tại hiện trường cho Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội.

+ *Giai đoạn 4 với diện tích 50ha:* UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt. Đang triển khai đền bù, tính đến 31/12/2010

đã đền bù được 11ha. UBND tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định giới thiệu địa điểm mở rộng thêm 30ha cho dự án này đã tăng quy mô từ 50ha lên 80ha.

2. Dự án đầu tư thiết bị bê tông đầm lăn- thủy điện Bản Chát- tỉnh Lai Châu

Hệ thống dây chuyền thiết bị đã vận hành đồng bộ. Sản phẩm bê tông sản xuất ra đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trong năm 2010, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chống lũ tiêu mẫn và đảm bảo tiến độ cam kết với chủ đầu tư.

Trong năm 2010, dự án này đã đóng góp tỷ trọng cao doanh thu và lợi nhuận của công ty.

3. Dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp tại đường Nguyễn Phong Sắc nối dài quận Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô 9.265 m².

Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo Ban tổng giám đốc điều chỉnh quy hoạch dự án theo hướng tăng diện tích căn hộ để tăng hiệu quả của dự án.

Tổng diện tích: 9.262m² trong đó: 2.500m²: đất xây dựng nhà trẻ và 6.762m² đất: Văn phòng, thương mại, nhà ở.

Mật độ xây dựng: 49.4%; Mật độ khối cao tầng: 37.1%

Tổng diện tích sàn xây dựng tòa nhà đa năng: 100.010m²

Diện tích tầng hầm: 6.000m² * 3 tầng = 18.000m²

Diện tích khối để thương mại: 3.342m² * 5 tầng = 16.710 m²

Diện tích khối văn phòng: 1.000m² * 20 tầng = 20.000m²

Diện tích khối chung cư: 1.510 m² * 30 tầng = 45.300 m².

Tổng diện tích nhà trẻ mẫu giáo: 2.018m²

Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.430 tỷ đồng.

4. Dự án khu đô thị mới đường Lý Thường Kiệt, P. Lộc Phát, Bảo Lộc, Lâm Đồng: trong năm 2010 đã đền bù xong toàn bộ diện tích của dự án.

5. Dự án trường cao đẳng nghề LICOGI: đã điều chỉnh lại quy hoạch tăng thêm hạng mục ký túc xá cho giáo viên và học sinh và tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 35 tỷ đồng. Hiện đang tập trung thi công để hoàn thành trước tháng 11 năm 2011.

6. Các dự án đang trong quá trình hoàn thiện các hồ sơ pháp lý

6.1. Dự án chung cư CT7 Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

6.2. Dự án cải tạo chung cư Khương thượng- Đống Đa- Hà Nội

4. Công tác chỉ đạo định hướng phát triển của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã họp định kỳ mỗi quý 1 lần để xem xét, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của từng quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo. Ngoài các phiên họp định kỳ, chủ tịch hội đồng quản trị đã ký các công văn xin ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề khác.

- Hội đồng quản trị đã quyết định thành lập nhóm tư vấn cho Hội đồng quản trị. Nhóm tư vấn đã tham mưu giúp cho hội đồng quản trị xem xét các vấn đề về đầu tư dự án, hoàn thiện các quy định quy chế và khung pháp lí áp dụng vào việc vận hành bộ máy công ty. Trên cơ sở nhóm tư vấn, Hội đồng quản trị đã thành lập ban tái cấu trúc để nghiên cứu, phân tích tham mưu cho hội đồng quản trị về định hướng chiến lược và sơ đồ định hướng tổ chức giai đoạn 2011-2016.

- Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến thông qua việc mua lại 80% vốn điều lệ của công ty TNHH thương mại xây dựng 12 để đầu tư, quản lí và khai thác dự án Khu dân cư phường Hiệp Thành- Quận 12- Tp. HCM với quy mô 12,5ha.

- Trong điều kiện thị trường chứng khoán giảm sâu, việc huy động vốn theo phương án phát hành đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010 sẽ không thành công. Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua việc hủy đợt phát hành này và chỉ đạo ban tổng giám đốc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đã thông qua nội dung này tại Nghị quyết số 23/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 07/07/2010 và thay thế bằng việc phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Tuy nhiên, sau khi được thông qua phương án trái phiếu chuyển đổi với giá chuyển đổi trên 40.000 đồng/cp theo yêu cầu của Hội đồng quản trị thì giá cổ phiếu trên thị trường theo xu hướng chung đã giảm và phương án không thực hiện được. Hội đồng quản trị cũng xin ý kiến cổ đông thông qua việc hủy phương án này tại Nghị quyết số 24/NQ-LICOGI16-ĐHĐCĐ ngày 28/10/2010.

Hội đồng quản trị nhận thấy cơ hội đầu tư và mở rộng kinh doanh trong ngành kinh doanh bất động sản, đặc biệt đối với các dự án được nhà nước giao đất và quy hoạch phát triển khu dân cư, do vậy đã xem xét thông qua chủ trương góp vốn đầu tư vào dự án Khu đô thị VietDuc legend city. Tuy nhiên, sau khi chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phân tích đánh giá nhận thấy rủi ro về mặt thị trường tiêu thụ do vậy Hội đồng quản trị quyết định không tham gia dự án này.

PHẦN 2**KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2011****1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:****1.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

- **Tổng giá trị sản lượng: 2.795.447.000.000 đồng**

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI16: 1.573.000.000.000 đồng

+ Các công ty thành viên: 1.222.447.000.000 đồng.

- **Tổng doanh thu: 2.140.343.000.000 đồng**

Trong đó:

+ Tính riêng của Công ty LICOGI16: 1.058.000.000.000 đồng, tăng 4,6% so với kết quả thực hiện năm 2010.

+ Các công ty thành viên: 1.082.343.000.000 đồng.

- **Lợi nhuận sau thuế: 250.000.000.000 đồng**, tăng 11,3% so với kết quả thực hiện năm 2010.

- **Tỷ lệ cổ tức năm 2011: 25%**

1.2. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của cả hệ thống LICOGI16

TT	Tên Công trình	Kế hoạch năm 2011			Tỉ lệ % thực hiện năm 2010 so với kế hoạch 2010		
		Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Sản lượng	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế TNDN
	Cả hệ thống LICOGI16 (I+II+III+IV+V)	3,125,447	2,302,343	362,110	124.98	135.74	114.53
I	Công ty cổ phần LICOGI 16	1,573,000	1,058,000	250,754	153.72	137.44	107.24
II	Công ty TNHH Siêu Thành	160,000	-				
III	Công ty TNHH TM DV Điền Phước	50,000					
IV	Công ty TNHH xây dựng 12	120,000	162,000				
V	CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	1,222,447	1,082,343	111,356	100.47	133.72	152.90
V.1	Công ty cổ phần LICOGI 16.1	68,796	81,122	4,000	72.36	60.37	12.53
V.2	Công ty cổ phần LICOGI 16.2	100,000	80,000	2,000	67.42	96.26	
V.3	Công ty cổ phần LICOGI 16.5	90,000	80,000	6,000	85.68	50.02	60.78
V.4	Công ty cổ phần LICOGI 16.6	662,513	520,500	20,654	277.58	300.17	117.23
V.5	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư LICOGI 16.8	12,000	10,000	1,725	78.64	76.99	40.04
V.6	Công ty CP Licogi 16.9	50,232	40,185	6,000	88.13	81.40	114.30
V.7	Công ty cổ phần cơ khí LICOGI 16	115,000	97,750	5,000	64.32	51.97	2.65
V.8	Công ty cổ phần ĐT&PT hạ tầng Nghi Sơn	47,996	96,876	58,336	148.30	691.35	
V.9	Công ty cổ phần điện lực Licogi 16	75,910	75,910	7,641			

2. Tiến độ thực hiện các dự án hiện có, kế hoạch đầu tư trong năm 2011

A. Đối với lĩnh vực bất động sản:

1. Cụm dự án Bất động sản tại Nhơn Trạch- Đồng Nai:

1.1. Dự án Khu dân cư Long Tân (50ha)- Giai đoạn 1:

Diện tích đất còn lại trong dự án

STT	Loại đất	Diện tích
1	Đất ở còn lại	13,409.50
2	Đất chợ	25,840
3	Đất công trình giáo dục	43,526
4	Đất chung cư	42,601
5	Đất công trình công cộng	13,662
	Tổng	139,039.50

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào tình hình thực tế sẽ chỉ đạo Ban tổng giám đốc tiếp tục kinh doanh phần đất còn lại này theo hướng có lợi nhất cho công ty.

1.2. Dự án Khu dân cư Long Tân (27ha)- Giai đoạn 2:

Trong năm 2011, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp sổ đỏ cho từng lô đất và bàn giao cho các hộ dân đã tham gia góp vốn, tiếp tục thu 5% phần còn lại của các hợp đồng đã ký.

Cơ cấu diện tích đất trong dự án:

Stt	Loại đất	Diện tích
1	Đất ở	23,733
2	Đất dịch vụ công cộng	29,000
3	Đất chung cư	58,000
		110,733

1.3. Dự án Khu dân cư Long Tân- Phú Hội (83ha)- Giai đoạn 3:

Đối với dự án này, sau khi hoàn thành nghĩa vụ với các đối tác, Công ty tham gia còn 30% vốn góp, Ban lãnh đạo công ty sẽ phối hợp cùng với công ty TNHH khu đô thị Phú Hội hoàn thiện các hồ sơ pháp lý, chỉnh sửa quy hoạch trình phê duyệt quy hoạch 1/500.

1.4. Dự án Khu dân cư Long Tân (50ha)- Giai đoạn 4:

Công ty Cổ phần LICOGI 16 sở hữu 95% vốn của Công ty TNHH TM DV XD Điền Phước, là chủ đầu tư dự án Khu dân cư 50ha tại xã Long Tân- Nhơn Trạch. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động và đang triển khai đền bù. Hiện nay, dự án đã được mở rộng thêm 30ha, do vậy đang hoàn thiện các hồ sơ cần thiết để phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.

Công ty Cổ phần LICOGI 16 khẳng định đây là dự án tiềm năng và mang lại lợi nhuận cao cho công ty trong năm 2012, 2013.

2. Dự án chung cư Nam An tại Phường Bình Hưng Hòa- Q. Bình Tân- HCM

Tổng diện tích đất: 8,662 m²

Vị trí: Phường Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, HCM.

Mục đích: đầu tư xây dựng chung cư

Đối tượng: đáp ứng nhu cầu nhà ở cho đối tượng có thu nhập trung bình.

Công ty đã hoàn thiện hồ sơ thiết kế tổng mặt bằng, hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500, và thiết kế kỹ thuật thi công; các Sở ban ngành và UBND quận đã đồng ý về mặt nguyên tắc, đang chờ phê duyệt chính thức. Trong điều kiện thị trường Bất động sản chưa khởi sắc, do vậy Ban lãnh đạo công ty đang dẫn thời gian khởi công dự án, khi dự báo thị trường tốt sẽ tiến hành thi công và mời gọi góp vốn.

3. Dự án khu dân cư phường Hiệp Thành- Q.12- Tp. HCM

Mục tiêu năm 2011: Đền bù xong 2,5ha còn lại của dự án, thi công xong hạ tầng và mời gọi góp vốn vào khoảng quý 3 năm 2011.

4. Dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp tại đường Nguyễn Phong Sắc nối dài quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chuẩn bị toàn bộ hồ sơ pháp lí đủ điều kiện khởi công vào tháng 9 năm 2011. Chào bán căn hộ vào khoảng quý 4 năm 2011.

5. Dự án khu đô thị mới đường Lý Thường Kiệt, P. Lộc Phát, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng ra quyết định giao đất cho công ty và hoàn thiện các thủ tục pháp lí để được cấp sổ đỏ. Xem xét thời điểm triển khai xây dựng hạ tầng và mời gọi góp vốn đầu tư.

6. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp các dự án:

- Dự án Khu đô thị mới Trùng Kênh- Hoàng Mai- Hà Nội
- Dự án chung cư CT7 Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
- Dự án cải tạo chung cư cũ tại Khương Thượng- Đống Đa- Hà Nội

B. Đối với lĩnh vực đầu tư cho sản xuất:

1. Dự án thiết bị bê tông đầm lăn- thủy điện Bản Chát- tỉnh Lai Châu

Tiếp tục thực hiện công tác sản xuất bê tông để thi công theo yêu cầu về tiến độ và chất lượng của chủ đầu tư. Trong năm 2011, cố gắng phấn đấu đạt 1 triệu khối bê tông.

Hội đồng quản trị đang tập trung tìm kiếm công trình tiếp theo để đưa dây chuyền thiết bị này đi vào hoạt động sau khi thực hiện xong công trình thủy điện Bản Chát.

2. Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (AAC)

Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu xanh LICOGI 16 để đầu tư Xây dựng Nhà máy sản xuất gạch khí chưng áp AAC công suất 150.000 m³/năm tại Long An.

- Tên công ty: Công ty cổ phần Vật liệu xanh LICOGI16.
- Trụ sở tại: xã An Thạnh- Bến Lức- Long An.
- Vốn điều lệ công ty: 50 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư dự kiến: 116 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần LICOGI16 tham gia: 51% vốn điều lệ.
- Dự kiến thời gian xây dựng và đưa vào vận hành khoảng 8 tháng kể từ ngày khởi công.

C. Dự án trường cao đẳng nghề LICOGI: tiếp tục thi công xong các hạng mục và dự kiến tuyển sinh khóa đầu tiên vào tháng 11 năm 2011.

3. Các giải pháp chủ yếu để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 và Định hướng phát triển của HĐQT giai đoạn 2011- 2016

3.1. Các giải pháp cụ thể để thực hiện đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Năm 2010, dự án sản xuất bê tông đầm lăn tại thủy điện Bản Chát là dự án trọng điểm của công ty vì vậy tập trung nguồn nhân lực và tài chính để thực hiện đúng tiến độ đề ra theo yêu cầu của Ban quản lý thủy điện 1.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ pháp lý, vốn và các điều kiện tiên quyết khác để cuối năm 2010 hoặc chậm nhất đến quý 3 năm 2011 khởi công dự án D25* Nguyễn Phong Sắc nối dài, Khu đô thị dịch vụ cầu giấy Hà Nội.

- Chỉ đạo sâu sát Công ty TNHH Thương mại xây dựng 12 đề bù xong, thi công hạ tầng và mời gọi các khách hàng góp vốn dự án Khu dân cư phường Hiệp Thành- Quận 12 để đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra.

➤ Giải pháp về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo Ban điều hành bằng các biện pháp khác nhau để tiếp tục nâng cao năng lực của cán bộ quản lý tài chính. Xây dựng phương án tài chính chi tiết cho từng tháng để tránh rủi ro về tính thanh khoản.

- Tập trung xử lý các vướng mắc về hồ sơ đối với các công trình đã đưa vào sử dụng để thu hồi vốn, kịp thời bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là các công trình xây lắp trước đây còn tồn đọng để giảm chi phí lãi vay trong thời điểm lãi suất tăng cao.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo trực tiếp Ban tổng giám đốc và giám đốc chi nhánh Lai Châu có các giải pháp linh hoạt, phương án thưởng cho bộ phận lập hồ sơ, thanh toán với chủ đầu tư để thu hồi vốn nhanh nhất giảm áp lực vay vốn lưu động phục vụ cho công trình và tăng tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư tài trợ cho các dự án trọng điểm khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương huy động vốn thông qua hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết để thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và khu nhà ở. Tập trung khai thác các dự án tại Nhơn Trạch- Đồng Nai, dự án Khu dân cư phường Hiệp Thành- Q.12- Tp. HCM và cân nhắc huy động vốn của khách hàng từ các dự án trọng điểm tại Hà Nội.

- Hội đồng quản trị tiếp tục tiếp xúc với các đối tác tài chính, tín dụng trong và ngoài nước để có phương án vốn phục vụ cho dự án Bất động sản trọng điểm

“tòa nhà hỗn hợp LICOGI16” tại D25* Nguyễn Phong Sắc nổi dài phường Dịch Vọng- Cầu Giấy- Hà Nội.

➤ ***Giải pháp về quản lý - điều hành:***

- Công ty sẽ tiếp tục rà soát kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động và chuyên nghiệp, tiết kiệm chi phí quản lý gián tiếp.

- Hoàn thiện các quy chế và nội quy phù hợp với sự phát triển của công ty trong thời gian tới.

- Phân công, phân nhiệm chi tiết cho từng cá nhân trong bộ máy để chủ động trong công việc.

- Tổ chức các buổi họp chuyên đề về phân tích tình hình hiện trạng của từng công ty thành viên, đưa ra những giải pháp cụ thể để giải quyết các vướng mắc gặp phải. Đồng thời phối hợp với hội đồng các công ty thành viên định hướng chiến lược phát triển cho từng công ty. Tập trung kiểm tra kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn và chi phí hoạt động của các công ty con và công ty thành viên.

3.2. Định hướng chiến lược phát triển của Hội đồng quản trị:

Phiên họp Hội đồng quản trị đã thông qua chiến lược phát triển và sơ đồ tổ chức bộ máy giai đoạn 2011-2016.

Đính kèm sơ đồ tổ chức dự kiến xây dựng theo phương án tái cấu trúc, tại phụ lục của Báo cáo thường niên.

Sự nhận định đúng đắn về tác động của môi trường kinh doanh, kết hợp với những giải pháp chi tiết trên đây, Công ty cổ phần LICOGI16 hy vọng sẽ đạt được kế hoạch đề ra trong năm 2011.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Việt Nam theo quy định pháp luật về kế toán, chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

1. Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ năm 2010 (phụ lục 1)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2010 (phụ lục 2)

3. Phân phối lợi nhuận năm 2010

Hiệu quả tài chính năm 2010

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu	736,000,000,000	1,011,543,000,000	137.4%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	210,000,000,000	225,212,000,000	107.2%

Phân phối lợi nhuận năm 2010 được đại hội đồng cổ đông thông qua:

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010 (A)		225,212,000,000
2	Trích lập các quỹ theo điều lệ (B)		62,780,869,798
	Trong đó:		
2.1	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	10%	22,521,200,000
2.2	Quỹ dự phòng tài chính (*)	10%	17,738,469,798
2.3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	22,521,200,000
3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ		162,431,130,202
4	Dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền (C)	20%	74,999,842,000
	Tổng số lượng cổ phiếu		37,500,000
	Cổ phiếu quỹ		79

	Cổ phiếu đang lưu hành		37,499,921
6	Thưởng hoạt động HĐQT, BKS, Ban điều hành (Theo nội dung 6 của tờ trình) (F)		1,521,200,000
	Lợi nhuận vượt kế hoạch	10%	1,521,200,000
7	Lợi nhuận còn lại tích lũy của năm 2009 (G)		5,064,415,575
	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức bằng tiền và trả tiền thưởng vượt kế hoạch		90,974,503,777
	Chia thưởng cổ phiếu	50%	187,499,605,000
	Nguồn lợi nhuận giữ lại		90,974,503,777
	Giá trị thặng dư		96,525,101,223

Ghi chú:

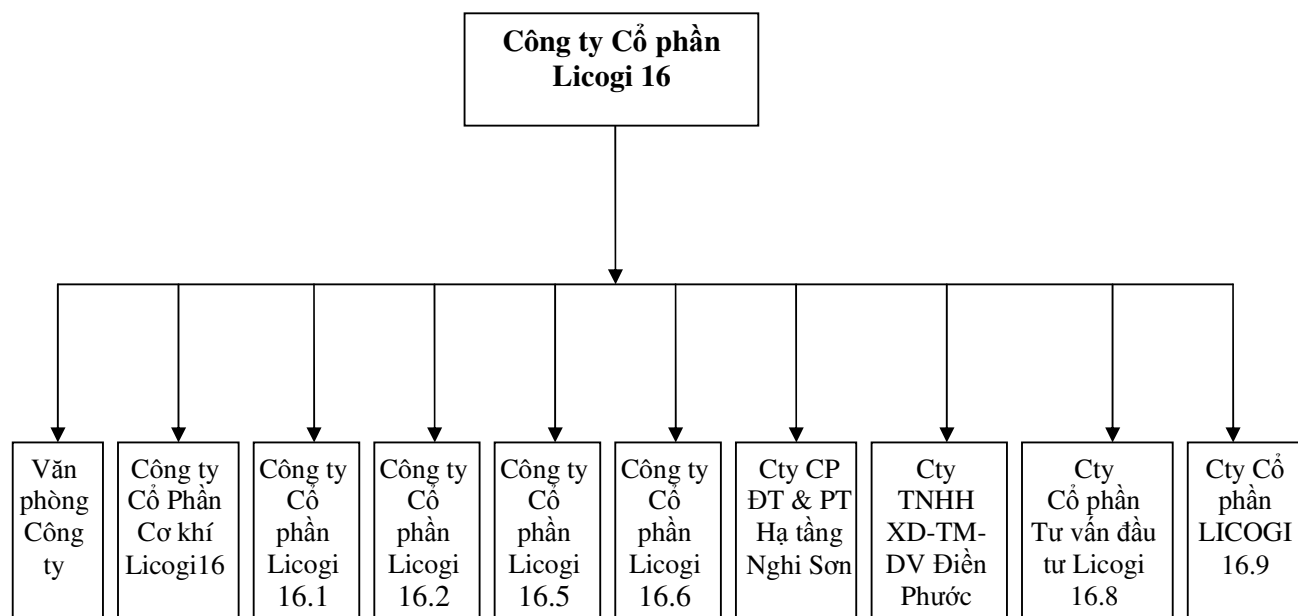
- Con số tuyệt đối của các khoản trích trên có thể có sự thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thuế làm ảnh hưởng đến lợi nhuận được phân phối. HĐQT sẽ báo cáo sự thay đổi này cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

(*) Quỹ dự phòng tài chính chỉ trích cho đến khi đủ 10% vốn điều lệ, phần còn lại sẽ chuyển vào quỹ phát triển sản xuất kinh doanh. Như vậy, quỹ dự phòng tài chính được trích năm 2010 là 17.738.469.798 đồng.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010

Tổng thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: 1,5% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với số tiền là: 3.378.180.000 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

III. CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÔNG TY CON



✓ Công ty Cổ phần Cơ khí LICOGI 16

- Địa chỉ: 49B Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM.
- Điện thoại: 08.54456745 Fax: 08.54456718
- Email: cokhi_nhontrach@vnn.vn
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng chẵn).
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình, sản xuất, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp. Dịch vụ sửa chữa lắp đặt máy móc, thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình.

✓ Công ty Cổ phần LICOGI 16.1

- Địa chỉ: 5/13 Nguyễn Công Hoan , phường 3, quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.35100319 Fax: 08.35513119
- Email: cc16@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ 15.000.000. 000 đồng (Mười lăm tỷ đồng chẵn).

- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, mua bán các loại vật liệu xây dựng.

✓ Công ty Cổ phần LICOGI 16.2

- Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Điện thoại: 08.38410626 Fax: 08.38410628
- Email: cc16@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; mua bán các loại vật liệu xây dựng.

✓ Công ty Cổ phần LICOGI 16.5

- Địa chỉ: Đường số 2, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch – Đồng Nai
- Điện thoại: 0613. 561248 Fax: 0613. 561246
- Website: www.licogi165.com
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng chẵn*).
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 4703000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp ngày 25/04/2005, sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 05/04/2007.
- Lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc, ống cống, cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm, bê tông tươi); sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị chuyên dùng sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn khác).
 - Thi công Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp hạ tầng khu dân cư, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và các trạm biến thế điện, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đóng cọc BTCT và xử lý nền móng công trình.
 - Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật (khai thác đá, gạch lát vỉa hè, kinh doanh vật liệu xây dựng...). Mua bán vật tư máy móc ngành xây dựng.

- Lắp đặt máy móc thiết bị và các sản phẩm cơ khí, kết cấu định hình.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu dân cư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Đầu tư kinh doanh khu thương mại, các dự án thủy điện vừa và nhỏ.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.6**

- Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà văn phòng Công ty 34, Ngõ 164 Khuất Duy Tiên, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.6340983 Fax: 04.6340984
- Email: cc16@hcm.vnn.vn
- Vốn điều lệ 41.000.000.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; sản xuất, mua bán các loại vật liệu xây dựng; đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp; dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình; thi công các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường.

✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn**

- Địa chỉ: Khu CN luyện kim Nghi Sơn, Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
- Điện thoại: 0373.613737 Fax: 0373.613738
- Email: nidic@vnn.vn
- Vốn điều lệ 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.
 - Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống công bê tông, bê tông thương phẩm; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng; cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp;
 - Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật;
 - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);

- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị ngành cơ khí
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở; đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dự án thủy điện vừa và nhỏ.
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh thép; mua bán máy móc vật tư ngành xây dựng; thí nghiệm vật liệu xây dựng.

✓ **Công ty TNHH Xây dựng –Thương mại – Dịch vụ Điền Phước**

- Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, HCM.
- Điện thoại: 08.8453173
- Thành lập ngày 04/01/2008 với Vốn điều lệ 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, công trình công cộng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Trang trí nội ngoại thất. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán nhà. Thi công cơ giới. Môi giới bất động sản. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Tư vấn đầu tư.

✓ **Công ty Cổ phần LICOGI 16.8**

- Địa chỉ: 169 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, Tp.HCM.
- Điện thoại/fax: 08.8119608
- Email: licogi168@viettel.vn
- Vốn điều lệ 11.000.000.000 đồng (*Mười một tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;
 - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình
 - Lập dự án đầu tư.
 - Khảo sát địa chất, địa hình xây dựng công trình
 - Tư vấn quản lý dự án.
 - Thẩm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng. Tư vấn đấu thầu.
 - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Tư vấn xây dựng.

✓ Công ty Cổ phần LICOGI 16.9

- Khu CN luyện kim Nghi Sơn, Hải Thượng, Tỉnh Gia, Thanh Hóa.
- Điện thoại - Fax: 0378.711268/69
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (*hai mươi lăm tỷ đồng chẵn*).
- Hoạt động kinh doanh chính:

✓ Công ty cổ phần Điện lực LICOGI 16.

- 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận bình Thạnh, Tp. HCM.
- Điện thoại - Fax: 08.62586883
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (*năm mươi tỷ đồng chẵn*).

✓ Công ty TNHH thương mại xây dựng 12

- 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận bình Thạnh, Tp. HCM.
- Điện thoại - Fax: 08.62586879
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng (*ba mươi lăm tỷ chẵn*).

✓ Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông.

- 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận bình Thạnh, Tp. HCM.
- Vốn điều lệ: 589.000.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi chín tỷ đồng chẵn*).

✓ Công ty TNHH Siêu Thành:

- 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận bình Thạnh, Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*).
 - Hoạt động kinh doanh chính:
- Đầu tư kinh doanh và khai thác Khu chung cư Nam Nam, Tp. HCM (0,8ha).

✓ Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội:

- 24A Phan Đăng Lưu, phường 6, quận bình Thạnh, Tp. HCM.
- Vốn điều lệ: 1.038.464.000 đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính:

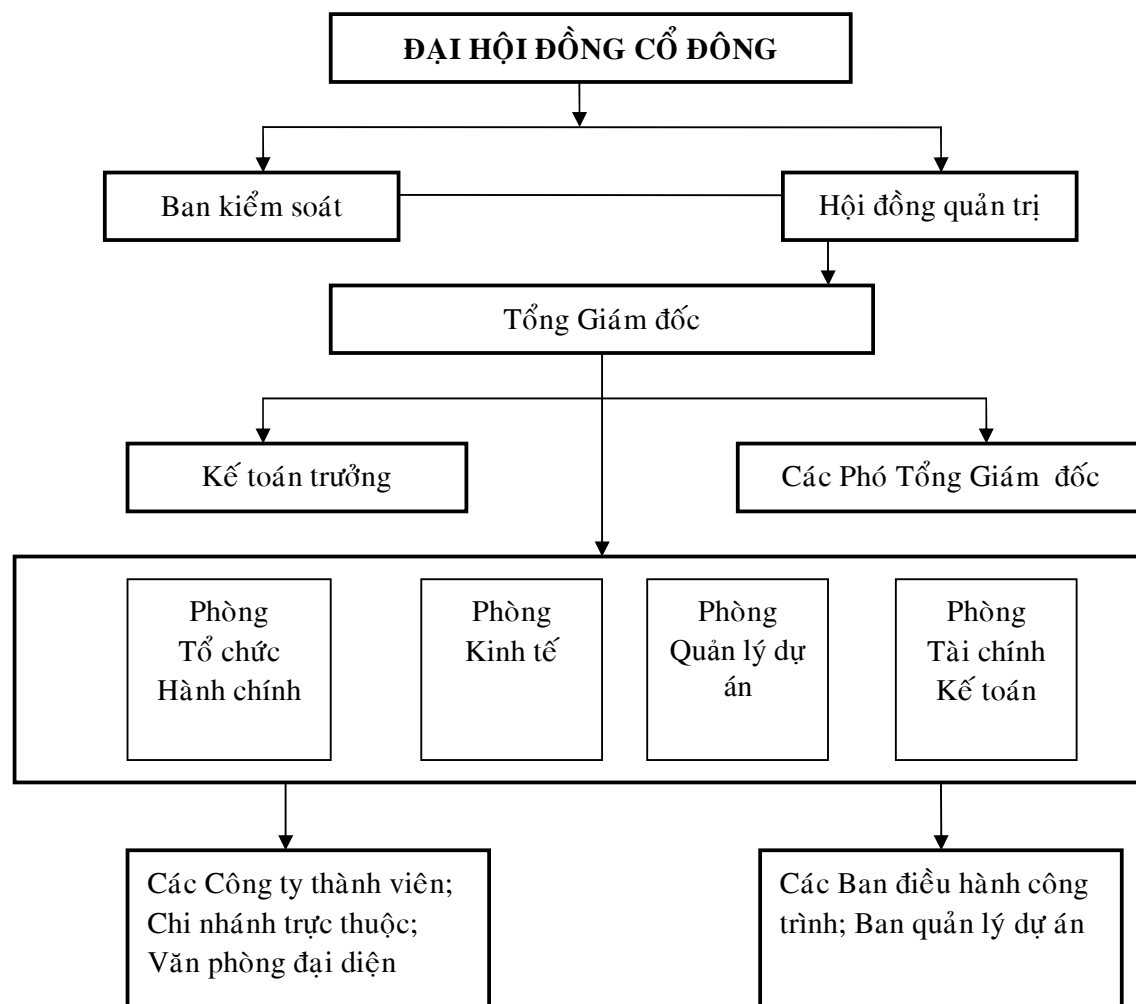
Đầu tư xây dựng khu dân cư theo quy hoạch để bán và cho thuê. Hiện tại, Công ty đã và đang triển khai thực hiện dự án Khu đô thị Phú Hội 83,99 ha tại T. Đồng Nai với tổng mức đầu tư 3.620 tỷ đồng.

**BẢNG TỔNG HỢP VỐN GÓP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
TẠI CÁC CÔNG TY CON – CÔNG TY THÀNH VIÊN**

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Tên công ty	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2010	Vốn của LICOGI 16	
				Vốn đã góp	Tỷ lệ % vốn đã góp
1	Công ty Cổ phần LICOGI 16.1	15,000,000	15,000,000	6,000,000	40.0%
2	Công ty Cổ phần LICOGI 16.2	20,000,000	20,000,000	8,000,000	40.0%
3	Công ty Cổ phần LICOGI 16.5	30,000,000	30,000,000	14,700,000	49.0%
4	Công ty Cổ phần LICOGI 16.6	41,000,000	41,000,000	15,000,000	36.6%
5	Công ty Cổ phần tư vấn ĐT LICOGI 16.8	11,000,000	11,000,000	4,000,000	36.4%
6	Công ty Cổ phần LICOGI 16.9	25,000,000	25,000,000	12,400,000	49.6%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí LICOGI 16	26,000,000	26,000,000	12,000,000	46.2%
8	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nghi Sơn	150,000,000	150,000,000	67,500,000	45.0%
9	Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	1,038,464,000	1,038,464,000	311,539,200	30.0%
10	Công ty TNHH nhiên liệu sinh học Phương Đông	589,000,000	400,100,000	88,025,900	22.0%
11	Công ty TNHH TM-DV-XD Điện Phước	150,000,000	55,625,000	52,842,645	95.0%
12	Công ty TNHH Siêu Thành	50,000,000	50,000,000	50,000,000	100.0%
13	Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại 12	35,000,000	35,000,000	28,000,000	80.0%
14	Công ty Cổ phần Điện Lực LICOGI 16	50,000,000	4,286,000	1,500,000	35.0%
	Tổng	2,230,464,000	1,901,475,000	671,507,745	

IV. TỔ CHỨC NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG VÀ ĐÀO TẠO



1. Công tác Tổ chức

Nhằm để phù hợp và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện nay, Công ty đã tiến hành điều chỉnh chức năng nhiệm vụ mới của các phòng ban phát huy hiệu quả một cách tối ưu nhất:

- Cơ cấu lại các phòng- ban theo hướng gọn nhẹ, hiện tại chỉ có 4 phòng: Phòng Kinh tế, Phòng Kế toán, Phòng TC-HC và Phòng quản lý dự án.

2. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động: 246 người. Trong đó:

Giới tính		Trình độ					
Nam	Nữ	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung học	Bằng nghề	Phổ thông
214	32	3	58	120	8	28	29

3. Công tác tiền lương:

Mức lương hiện tại của Công ty cổ phần LICOGI16 tương đối cạnh tranh so với các doanh nghiệp trong ngành. Lương bình quân khoảng 8.000.000 đồng/người/tháng.

4. Kế hoạch 2011

- Tiếp tục điều chỉnh, sắp xếp lại các phòng ban và lao động tại văn phòng Công ty nhằm hướng đến bộ máy gọn nhẹ, CBCNV có thể cùng lúc đảm đương được nhiều công ty, chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hơn nữa trong cách điều hành và thực thi nhiệm vụ.
- Có kế hoạch lựa chọn và đưa đi đào tạo các cán bộ nguồn, cán bộ quản lý chủ chốt của công ty học về thực tiễn quản trị doanh nghiệp tại nước ngoài.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thuận lợi và thân thiện để nâng cao hiệu quả làm việc, tin tưởng và gắn bó của CBCNV.
- Tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc công ty và các công ty thành viên.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

* Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm **04/03/2011**

Bảng: Cơ cấu vốn điều lệ thời điểm 04/03/2011 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
A. Cổ đông Nhà nước	0	0	0
B. Cổ đông trong Công ty	44	4.521.348	12,06
- Cổ đông hội đồng quản trị (trong đó có 3 thành viên Ban Tổng giám đốc)	07	4.184.900	11,14
- Ban Tổng Giám đốc	2	25.500	0,06
- Ban Kiểm soát	3	37.702	0,10
- Kế toán trưởng	1	18.658	0,05
- Cổ phiếu quỹ	1	78	0,00
- BCH Công đoàn Công ty	1	4.500	0,01
- Cán bộ công nhân viên:	29	280.010	0,70
C. Cổ đông ngoài Công ty	4.497	32.978.649	87,94
- Cổ đông trong nước	4.409	29.953.136	79,87
+ Cá nhân	4.338	23.599.153	62,93

+ Tổ chức	71	6.353.983	16,94
- Cổ đông nước ngoài: (không tính số cổ phần của RED RIVER HOLDING sở hữu 2,143,140 cổ phần, chiếm 5,72% vốn điều lệ, đã được tính trong cơ cấu cổ phần của HĐQT).	88	3.025.513	8,07
+ Cá nhân	67	903.994	2,41
+ Tổ chức	21	2.121.519	5,66
Tổng cộng (A+B+C):	4.541	37.499.997	100,00

Ghi chú: Trong thành viên hội đồng quản trị có một thành viên đại diện cho tổ chức RED RIVER HOLDING sở hữu 2,143,140 cổ phần, chiếm 5,72% vốn điều lệ.

* Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2011 như sau:

Bảng : Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số lượng (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	RED RIVER HOLDING	11A TU XUONG STREET, WARD 7, DIST.3, HO CHI MINH CITY, S.R OF VIETNAM	CA1288	2,143,140	5,72
	Tổng cộng			2,143,140	5,72

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông **Bùi Dương Hùng** – Chủ tịch HĐQT.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/09/1958

Số CMND: 011536707, cấp ngày 20/3/1998 tại CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 18B, Phường Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị

Quá trình công tác:

- 08/1978 – 10/1978: Bộ đội thuộc E191, E122 – Bộ chỉ huy quân sự Hà Tuyên; Cấp bậc binh nhất;
- 11/1978 – 05/1982: Bộ đội – Giáo viên dạy toán Trường Văn hóa quân khu 2; Cấp bậc Trung sỹ;
- 06/1982 – 09/1985: Sinh viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; Chức vụ Lớp phó học tập;
- 10/1985 – 09/1997: Công tác tại Xí nghiệp Xây dựng số 1, Xí nghiệp Xây lắp Hà Nội, Công ty Lắp máy và Xây dựng thuộc LILAMA; Giữ chức vụ: Đội trưởng, Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật;
- 10/1997 – 03/2001: Công tác tại Công ty Lắp máy Điện nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI); Giữ chức vụ: Phó Giám đốc Công ty;
- 04/2001 – 01/2006 : Giám Đốc Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng (LICOGI)
- 02/2006 – 06/2007: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- 07/2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Licogi 16.

Số cổ phần nắm giữ: 920.000cổ phần, chiếm 3,68% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không có

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

2. Ông **Lê Văn Nga** – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/10/1952

Số CMND: 024448199 cấp ngày 25/01/2005 tại Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 11C Cư xá 307 P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Quá trình công tác:

- Từ 12/1974 – 09/1986: Kỹ sư, Trưởng phòng Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 1 thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Xây dựng Thủy Lợi, Bộ Thủy Lợi;
- Từ 10/1986 – 06/1987: Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 1 – Liên hiệp Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 4;
- Từ 07/1987 – 10/1996: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy Lợi 41 thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 4;
- Từ 11/1996 – 06/1997: Phó Giám đốc Trung tâm Giám định Chất lượng Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 4;
- Từ 07/1997 đến 09/1997: Kỹ sư Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- Từ 10/1997 – 03/2001: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, khu vực phía Nam tại TpHCM;
- Từ 04/2001 đến 01/2006: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- Từ 02/2006 đến 6/2007: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16;
- Từ 06/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16;

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.

Số cổ phần nắm giữ: 45.222 cổ phần, chiếm 0,18% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

3. Ông **Vũ Công Hưng** – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1973

Số CMND: 012235601 cấp ngày 19/5/1999 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 3 ngách 178/5 tây sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng ; C.E.O

Quá trình công tác:

- 06/1995 đến 08/1997: Kỹ sư xây dựng, chuyên viên, phó phòng thiết kế Công ty điện tử công nghệ (ETC), Hà Nội;
- 09/1997 – 04/2001: Kỹ sư Xây dựng, chuyên viên phòng KT-KH Công ty Lắp máy điện nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng, Hà Nội;
- 05/2001 – 12/2003: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- 01/2004 – 01/2006: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - Vật tư Công ty Xây dựng số 16 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng;
- 02/2006 – 05/2006: Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch – Thị trường Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- 06/2006 – 10/2006: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- 11/2006 – 04/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội;
- 05/2007 – 11/2007: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6;
- 11/2007 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Chi nhánh Lai Châu, Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16.

Số cổ phần nắm giữ: 198.875 cổ phần, chiếm 0,8 % vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

4. Ông **Nguyễn Duy Bảo** – Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 20/01/1970
Số CMND: 011768306 cấp ngày 18/3/1992 tại Hà Nội
Địa chỉ thường trú: DB37 Bàu Cát, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 1996: Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại Thương TpHCM, đại lý tàu Happag - Hayd
- Từ 1998 – 2000: Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Bảo Huy;
- Từ 2002 – 2006: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TpHCM, phòng thông tin thị trường phụ trách Bản tin TTCK;
- Từ 09/2006 đến nay: Công ty Tài chính Dầu khí chi nhánh TpHCM;

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Licogi 16,

Số cổ phần của cá nhân hiện đang nắm giữ: 14.250 cổ phần, chiếm 0,06% vốn Điều lệ.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

5. Ông **Hoàng Minh Khai** – Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 22/03/1962
Số CMND: 024533713 cấp ngày 15/8/2006 tại Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 503 Huỳnh Tấn Phát, P.Tân Thuận Đông, Q.7, Tp.HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường

Quá trình công tác:

- 02/1983 – 10/1986: Bộ đội D10E108, F337 Lạng Sơn;
- 11/1986 – 01/1987: Học sinh trường Công Nhân Cơ giới 2, Hải Dương;
- 02/1978 – 05/1988: Cán bộ phòng Tổ chức Hành chánh – XN Cơ giới số 9, Đồng Nai;
- 06/1988 – 01/1989: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Cơ giới 17, Hải Hưng;
- 02/1989 – 12/1990: Đi hợp tác lao động tại I Rắc;
- 01/1991 – 06/1998: Cán bộ Phòng Tổ chức, Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
- 06/1998 – 06/2001: Cán bộ Kỹ thuật Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
- 06/2001 – 02/2002: Phó phòng Tổ chức Công ty Xây dựng số 16;
- 03/2002 – 07/2003: Trưởng phòng Tổ chức hành chánh Công ty Xây dựng số 16;
- 08/2003 – 01/2006 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Xây dựng số 16, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch;
- 02/2006 – 01/2007: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch;
- 02/2007 – 03/2007: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch;
- 04/2007 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, P. Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc Ban quản lý dự án khu đô thị mới Nhơn Trạch.

Số cổ phần nắm giữ: 182.830 cổ phần, chiếm 0,73% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: Bà Phạm Thị Hải Thương (Vợ), số cổ phần hiện đang sở hữu: 7.003 cổ phần, chiếm 0,028% vốn Điều lệ.

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Bà Đặng Phạm Minh Loan

Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 18/03/1977

Số CMND: 024326432 cấp ngày: 11/08/2006 tại: CA TP. HCM

Địa chỉ thường trú: số 6 Phạm Ngũ Lão, P.3, Q. Gò Vấp, Tp. HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học, ACCA- UK, CPA Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Kế toán quản trị, kế toán quản trị tại Uniliver
- Từ năm 2000 đến năm 2005: Kiểm toán viên, Phó trưởng phòng kiểm toán KPMG
- Từ năm 2005 đến nay: Giám đốc đầu tư Công ty VinaCapital Corporate Finance Việt Nam

Ban Kiểm soát

- Ông **Trần Đình Tuấn** - Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/08/1958

Số CMND: 012355339 cấp ngày 16/6/2000 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 25, D6, P.Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 8/1979 – 10/1980: Giáo viên trường Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây Dựng;
- Từ 11/1980 – 6/1981: Phó phòng Tài vụ XNXD 104, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;
- 07/1981 – 09/1985: Trưởng Phòng Tài vụ XNXD 101 – Công ty Xây dựng số 18 - Bộ Xây dựng;
- Từ 10/1985 – 6/1988: Học tại trường Đại học Tài chính Kế toán Hà nội;
- Từ 7/1988 – 8/1990: Trưởng phòng Tài vụ XN Cung ứng vận tải, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;

- Từ 8/1990 – 3/1996: Trưởng phòng Tài vụ XN Lắp máy điện nước, Công ty Xây dựng số 18, Bộ Xây dựng;
- Từ 3/1996 – 10/2005: Kế toán trưởng Công ty Lắp máy điện nước, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI);
- Từ 10/2005 – 11/2006: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - LICOGI;
- Từ 12/2006 – 4/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Licogi 16.
- Từ 05/2007 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 16, Phó Giám đốc Công ty cổ phần LICOGI 16.6.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Licgi 16, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16.6.

Số cổ phần nắm giữ: 2.385 cổ phần.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

- Ông **Phạm Xuân Diện** - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/01/1980

Số CMND: 221005686 cấp ngày 10/1/1996 tại Phú Yên

Địa chỉ thường trú: Khóm 6, Phú Lâm, Tuy Hòa, Phú Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 09/2002 – 07/2003: Cử nhân kinh tế, Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 08/2003 – 09/2005: Nhân viên Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Xây dựng số 16;

- Từ 10/2005 – 01/2006: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 02/2006 – 3/2007: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị mới Nhơn Trạch thuộc Công ty Cổ phần Licogi 16;
- Từ 3/2007 đến nay: Trưởng Phòng Đầu tư và Quan hệ Công chúng, Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng Kinh tế, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Số cổ phần nắm giữ: 19.167 cổ phần, chiếm 0,077% vốn Điều lệ

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

- Bà **Phạm Thị Minh Hiền** - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 14/08/1974

Số CMND: 011706136, cấp ngày 16/09/1999 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 232/12 Quốc lộ 13, Q.Bình Thạnh, TpHCM.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Sau Đại học

Quá trình công tác:

- Từ 1996 – 1998: Công ty Liên doanh Wisma – OSC Việt Nam, kế toán trưởng;
- Từ 1999 – 2004: Công ty TNHH Việt Bình, Phó Giám đốc
- Từ 2005 – đến nay: Công ty Tài chính Dầu khí, phụ trách Tổ Đầu tư chứng từ có giá
- Chức vụ công tác hiện nay: Phụ trách phòng tư vấn dịch vụ tài chính

Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần, chiếm 0.012% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Thành viên Ban Giám đốc**1. Ông Lê Văn Nga – Tổng Giám đốc**

(Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

2. Ông Vũ Công Hưng – Phó Tổng Giám đốc

(Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

3. Ông Hoàng Minh Khai – Phó Tổng Giám đốc

(Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

4. Ông Đoàn Thuận Chí – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/08/1957

Số CMND: 024069952 cấp ngày 5/8/2003 tại Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 121 Thống Nhất, P.Bình Thới, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 06/1983 – 07/1988: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình Sở thể dục thể thao Thuận Hải;
- Từ 08/1988 – 09/1991: Học viên trường Đại học kiến trúc TpHCM;
- Từ 10/1991 – 08/1992: Kỹ sư Sở thể dục thể thao Thuận Hải;
- Từ 09/1992 – 12/1996: Kỹ sư công trình xây dựng Miền Đông Đồng Nai;
- Từ 01/1997 – 06/2001: Kỹ sư Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9;
- Từ 07/2001 – 01/2006: Phó giám đốc Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 02/2006 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16,

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16

Số cổ phần nắm giữ: 9.000 cổ phần, 0.04% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

5. Ông **Bùi Đông Hoàn** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/06/1975

Số CMND: 023095815 cấp ngày 13/4/2001 tại Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 25/216B Nguyễn Văn Lượng, phường 17, Gò Vấp, Tp.HCM.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ xây dựng ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1999-2000: Kỹ sư giám sát tại Công ty X59 (thuộc Bộ Quốc Phòng).
- Từ 2001-2003: Chỉ huy trưởng tại Công ty CALOFIC.
- Từ 2004-tháng 2007: Trưởng phòng Kỹ thuật thi công Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- Từ tháng 01/2008-nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh tế - Kỹ Thuật Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn Điều lệ.

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Họ và tên: **TRỊNH THẾ DŨNG** – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/07/1958

Số CMND: 171203769, cấp ngày 19/04/2004 tại CA Thánh Hóa

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 56/8 Nam Cao, P. Tân Sơn, Tp. Thanh Hóa

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- 12/1981: Tốt nghiệp Đại học Kiến trúc Hà Nội – Kỹ sư đô thị.
- 03/1982 – 09/1987: Chuyên viên Ủy ban Xây dựng Cơ bản – tỉnh Thanh Hóa.
- 10/1987 – 09/1994: Chuyên viên Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh hóa.
- 10/1994 – 05/1997: Kỹ sư Đô thị - Viện Quy hoạch Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.
- 02/2005 – 07/2007: Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.
- 08/2007 đến 04/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn.
- 08/2007 đến 04/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn.
- 05/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI 16; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nghi Sơn.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: **15.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0,04** % vốn điều lệ.

7. Ông **Hoàng Chí Phúc**– Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/07/1972

Số CMND: 022785039

Địa chỉ thường trú: 122/19/12 Tôn Đản, Phường 10, Quận 4, Tp.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1997: Kế toán tổng hợp tại Cty TNHH Đại Phát, Quận 5, TPHCM;
- Từ 1997-2000: Kế toán tổng hợp tại DNTN Thái Tiến Phát, Quận 6, TPHCM;
- Từ 2000-2001: Phụ trách kế toán Chi nhánh Tổng Cty Xây dựng & Phát triển hạ tầng (LICOGI) tại TP.Hồ Chí Minh;
- Từ 2001-2006: Phó phòng kế toán Công ty Xây dựng số 16;
- Từ 2006 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần LICOGI 16.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Licogi 16

Số cổ phần nắm giữ: 5.772 cổ phần, 0,02% vốn Điều lệ

Số cổ phần của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với Công ty: không có

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Đính kèm phụ lục:

- *Phụ lục 1: Báo cáo tài chính năm 2010 của công ty mẹ.*
- *Phụ lục 2: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty CP LICOGI 16.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
(đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 – 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

05 – 30

Bảng cân đối kế toán

05 – 06

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

07

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

08

Thuyết minh Báo cáo tài chính.

09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng. Tên giao dịch quốc tế Licogi 16 Joint Stock Company, viết tắt là Licogi 16.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 20/03/2010 và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.000.000.000 đồng, được chia thành 37.500.000 cổ phần, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông :	Lê Văn Nga	Thành viên
Ông :	Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
Ông :	Hoàng Minh Khai	Thành viên
Ông :	Vũ Công Hưng	Thành viên
Bà :	Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên
Ông :	Jean-Eric Jacquemin	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Lê Văn Nga	Tổng Giám đốc
Ông :	Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Vũ Công Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trịnh Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông :	Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông :	Phạm Xuân Diện	Ủy viên
Bà :	Phạm Thị Minh Hiền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2011



LÊ VĂN NGÀ



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 457 /2011/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Licogi 16

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 được lập ngày 18/03/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TPHCM, ngày 24 tháng 03 năm 2011

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)



NGUYỄN QUỐC DŨNG
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN TRUNG THÀNH
Chứng chỉ KTV số: 1312/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		870.349.543.936	904.374.373.099
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.3	22.124.762.934	128.097.417.321
111	1. Tiền		22.124.762.934	37.097.417.321
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	91.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.4	-	221.655.262.625
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	221.655.262.625
130	III. Các khoản phải thu		494.971.047.098	361.222.546.540
131	1. Phải thu của khách hàng		269.015.945.047	74.960.573.511
132	2. Trả trước cho người bán		17.657.943.907	24.365.972.871
135	5. Các khoản phải thu khác	V.5	208.679.948.760	262.298.790.774
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(382.790.616)	(402.790.616)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	293.578.779.723	158.219.837.563
141	1. Hàng tồn kho		293.578.779.723	158.219.837.563
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		59.674.954.181	35.179.309.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		619.550.941	419.623.363
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.610.754.539	16.985.425.197
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.7	36.444.648.701	17.774.260.490
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		955.982.860.047	792.193.372.449
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		264.337.230.697	292.383.137.214
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	210.434.861.178	20.209.068.648
222	- Nguyên giá		318.144.609.913	26.939.452.633
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(107.709.748.735)	(6.730.383.985)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	22.229.730.634	974.777.776
228	- Nguyên giá		22.249.730.634	992.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.000.000)	(17.222.224)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	31.672.638.885	271.199.290.790
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		689.707.778.568	498.203.698.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.11	152.042.645.520	112.319.250.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.12	537.665.133.048	315.884.448.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	-	70.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.937.850.782	1.606.537.235
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	1.335.850.782	94.902.678
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.15	-	488.437.647
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.16	602.000.000	1.023.196.910
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		1.826.332.403.983	1.696.567.745.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300=310+330)		669.308.509.976	692.562.197.983
310	I. Nợ ngắn hạn		633.451.835.026	537.522.537.276
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.17	347.159.436.962	276.262.594.055
312	2. Phải trả cho người bán		121.864.585.393	67.821.630.931
313	3. Người mua trả tiền trước		4.271.178.975	14.784.083.077
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	55.689.908.343	64.068.576.365
315	5. Phải trả người lao động		3.408.666.580	1.080.159.653
316	6. Chi phí phải trả	V.19	36.273.838.033	26.060.050.821
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.20	23.802.667.891	55.045.198.210
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		14.424.340	36.054.058
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		40.967.128.509	32.364.190.106
330	II. Nợ dài hạn		35.856.674.950	155.039.660.707
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.	3.000.000	3.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.21	35.669.912.753	155.017.228.349
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		35.779.947	19.432.358
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		147.982.250	-
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		1.157.023.894.007	1.004.005.547.565
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.22	1.157.023.894.007	1.004.005.547.565
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.000.000.000	250.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		506.222.037.738	506.222.037.738
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(785.000)	(50.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		70.816.906.893	48.295.644.919
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		37.500.000.000	25.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		167.485.734.376	174.487.914.908
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.826.332.403.983	1.696.567.745.548

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy

Hoàng Chí Phúc

Lê Văn Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.011.543.855.869	509.979.870.779
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	1.011.543.855.869	509.979.870.779
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.24	820.173.274.218	324.348.074.384
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.370.581.651	185.631.796.395
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	37.830.983.766	4.598.398.499
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	39.116.710.230	29.732.438.110
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.558.592.206	19.342.790.222
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		20.503.557.983	19.375.213.118
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		169.581.297.204	141.122.543.666
31	11. Thu nhập khác	VI.27	95.681.825.869	122.262.966.155
32	12. Chi phí khác	VI.28	4.120.648.749	9.433.385.242
40	13. Lợi nhuận khác		91.561.177.120	112.829.580.913
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		261.142.474.324	253.952.124.579
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	VI.29	35.441.416.934	45.053.572.922
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (**)	VI.30	488.437.647	(488.437.647)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>225.212.619.743</u>	<u>209.386.989.304</u>

(*) Đã bao gồm phần giảm thuế TNDN được giảm của Quý IV năm 2008 theo Nghị quyết 03 là 15.378.040.311 VND

(**) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là phần thuế TNDN tạm tính 2% trên tổng số tiền thu trước chưa hạch toán doanh thu của năm 2009 năm 2010 hoàn nhập lại số thuế TNDN tạm tính này.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy

Hoàng Chí Phúc

Lê Văn Nga



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
(Theo phương pháp trực tiếp)

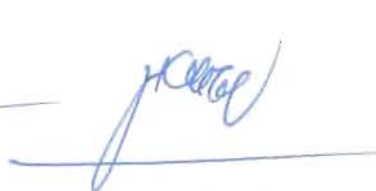
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		725.645.688.397	593.559.594.921
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(679.809.123.858)	(299.060.750.649)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.963.074.522)	(17.543.845.144)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(27.737.390.977)	(20.848.297.142)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(52.009.905.439)	(35.915.141.269)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		72.218.487.514	7.397.470.421
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(118.539.197.295)	(49.204.425.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(101.194.516.180)	178.384.605.923
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(71.290.232.045)	(134.426.478.916)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		1.200.000.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(206.723.189.935)	(311.755.262.625)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		498.320.082.560	20.100.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(152.492.982.822)	(69.168.900.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.642.504.624	593.960.976
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		93.656.182.382	(494.656.680.565)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	324.403.645.853
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(735.000)	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		401.026.096.040	406.229.770.336
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(449.476.568.729)	(295.334.321.348)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(2.115.316.362)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(49.983.112.900)	(5.026.033.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(98.434.320.589)	428.157.745.229
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(105.972.654.387)	111.885.670.587
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		128.097.417.321	16.211.746.734
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		22.124.762.934	128.097.417.321

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy



Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2010
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
 QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng. Tên giao dịch quốc tế Licogi 16 Joint Stock Company, viết tắt là Licogi 16.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 20/03/2010 và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.000.000.000 đồng, được chia thành 37.500.000 cổ phần, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh		
Chi nhánh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu	Sản xuất bê tông
Công ty con		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điện Phước	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng và đầu tư hạ tầng khu đô thị khu công nghiệp
Công ty TNHH Siêu Thành	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi. Sản lập mặt bằng, đầu tư xây dựng Khu dân cư, kinh doanh nhà ở
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường, sản lập mặt bằng, đầu tư xây dựng khu dân cư, kinh doanh nhà ở, mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
Công ty liên kết		
Công ty CP Licogi 16.1	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	Tỉnh Đồng Nai	Xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.6	TP. Hà Nội	Xây lắp, đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	TP Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế
Công ty CP Licogi 16.9	Tỉnh Thanh Hóa	- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công kết cấu thép
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	TP Hồ Chí Minh	- Gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng

Công ty CP Đầu tư và PT hạ tầng Nghi Sơn	Tỉnh Thanh Hóa	- Xây lắp, đầu tư
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất Ethanol nhiên liệu;
Công ty CP Điện Lực Licogi 16	TP Hồ Chí Minh	- Xây lắp các công trình điện, đầu tư

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thử nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông. /.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Tiền và khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là khối lượng xây lắp của các công trình được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu thanh toán khối lượng hoặc dựa vào hóa đơn do bên nhà thầu thi công xuất sau khi trừ đi giá vốn kết chuyển tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	24 – 25	Năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 08	Năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10	Năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05	Năm
- Phần mềm quản lý	03	Năm
- Giá trị quyền sử dụng đất	Không khấu hao	

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Licogi 16

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

03
NG
THIÊN
H VU
CHINH
A KI
TNK

2.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản:

Doanh thu bán nền đất dự án được ghi nhận khi đơn vị hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và cơ sở hạ tầng, phân lô bán giao cho khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán công trình hoàn thành.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 02/06/2006, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, năm 2010 Công ty tiếp tục được giảm trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

2.17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	3.626.941.747	9.296.416.032
Tiền gửi ngân hàng	18.497.821.187	27.801.001.289
Các khoản tương đương tiền	-	91.000.000.000
Cộng	22.124.762.934	128.097.417.321

4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư Cổ phiếu ngắn hạn		28.155.262.625
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	-	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong		175.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	
Cộng	-	221.655.262.625

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chuyển nhượng Dự án Long Tân (83 ha)	83.653.883.285	221.642.046.034
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	-	2.000.000.000
Phải thu về tiền góp vào Dự án Khương Thượng	2.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	-	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại 12	41.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	15.130.798.888	4.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	26.926.630.000	15.996.710.568
Phải thu kinh phí công đoàn	44.453.587	
Phải thu về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	17.531.896	
Công ty TNHH Siêu Thành	2.645.421.618	
Phải thu khác	37.161.229.486	18.260.034.172
Cộng	208.679.948.760	262.298.790.774

6. Hàng tồn kho	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.935.202.321	9.422.332.244
Công cụ, dụng cụ	-	10.341.823.899
Chi phí SXKD dở dang (*)	281.143.591.418	130.752.648.608
Hàng hóa bất động sản	6.499.985.984	7.703.032.812
Cộng giá gốc hàng tồn kho	293.578.779.723	158.219.837.563

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>	<i>110.644.111.984</i>	<i>98.135.025.531</i>
Dự án Khu đô thị mới Bảo Lộc	49.548.603.862	34.241.579.791
Dự án Đô thị Nhơn Trạch 50 ha	27.578.964.598	27.544.675.547
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch 83 ha	-	17.068.688.000
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch 27 ha	33.516.543.524	19.280.082.193
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>170.499.479.434</i>	<i>32.617.623.077</i>
Xây dựng Trạm biến áp Bến Cát - Bình Dương đầu nối	-	89.214.400
Xây dựng TT điện lực Duyên hải Trà Vinh	1.177.628.478	1.756.363.636
Công trình điện nhà thi đấu Phú Thọ	-	1.869.157.303
Công trình nhà thi đấu Phú Thọ	2.543.937.267	2.543.937.267
Công trình cấp nước TP. Hồ Chí Minh	1.773.352.627	1.773.352.627
Công trình Trường quốc tế Mỹ (AIS) Quận 7	9.553.194.511	-
Công trình hầm chui Tân Tạo	900.647.828	900.647.828
Công trình trạm biến áp 220 kv Thuận An	4.550.652.165	4.550.652.165
Cho thuê nhà, các dịch vụ nhà 24A Phan Đăng Lưu	335.144.890	-
Nhà ở Công nhân ở Nhà máy Bán Chát	1.632.842.397	1.428.127.186
Nhà ở Ban điều hành ở Nhà máy Bán Chát	2.513.755.362	1.296.147.245
Bê tông san phẳng, CVC	9.706.513.004	9.706.513.004
Thi công khoan cọc	2.272.727.273	-
Thi công phụ trợ trạm RCC	287.827.156	-
Bê tông cho Công ty CP Licogi 16.6	133.074.832.458	6.531.726.398
Đầu tư xây dựng nhà ăn + nhà trực	176.424.018	171.784.018
Cộng	281.143.591.418	130.752.648.608

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	162.253.692	162.253.692
Tạm ứng	36.282.395.009	17.612.006.798
Cộng	36.444.648.701	17.774.260.490

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	685.198.283	9.073.832.612	16.343.917.829	836.503.909	26.939.452.633
Tăng trong năm	36.809.130.814	261.827.684.696	5.123.424.848	289.665.726	304.049.906.084
- Mua sắm		261.827.684.696	4.990.432.851	77.305.000	266.895.422.547
- Xây dựng cơ bản					-
- Tăng khác	36.809.130.814		132.991.997	212.360.726	37.154.483.537
Giảm trong năm	-	6.789.452.803	5.961.153.365	94.142.636	12.844.748.804
- Thanh lý, nhượng bán		6.416.760.990	5.961.153.365	38.997.636	12.416.911.991
- Giảm khác		372.691.813		55.145.000	427.836.813
Số cuối năm	37.494.329.097	264.112.064.505	15.506.189.312	1.032.026.999	318.144.609.913
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	370.457.494	1.456.888.364	4.307.484.370	595.553.757	6.730.383.985
Tăng trong năm	1.501.233.644	99.879.443.656	2.256.555.328	267.469.367	103.904.701.995
- Trích khấu hao TSCĐ	1.501.233.644	99.879.443.656	2.204.265.037	267.093.807	103.852.036.144
- Tăng khác		-	52.290.291	375.560	52.665.851
Giảm trong năm	-	875.345.349	2.028.228.937	21.762.959	2.925.337.245
- Thanh lý, nhượng bán		822.679.498	2.028.228.937	8.578.959	2.859.487.394
- Giảm khác		52.665.851		13.184.000	65.849.851
Số cuối năm	1.871.691.138	100.460.986.671	4.535.810.761	841.260.165	107.709.748.735
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	314.740.789	7.616.944.248	12.036.433.459	240.950.152	20.209.068.648
Số cuối năm	35.622.637.959	163.651.077.834	10.970.378.551	190.766.834	210.434.861.178

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 55.576.000.000

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.665.442.737

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	972.000.000	-	-	20.000.000	992.000.000
Tăng trong năm	21.257.730.634	-	-	-	21.257.730.634
- Mua sắm	21.257.730.634				21.257.730.634
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	20.000.000	22.249.730.634
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm				17.222.224	17.222.224
Tăng trong năm	-	-	-	2.777.776	2.777.776
- Trích khấu hao TSCĐ				2.777.776	2.777.776
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	972.000.000	-	-	2.777.776	974.777.776
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	-	22.229.730.634

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>31.672.638.885</i>	<i>271.199.290.790</i>
Nhà 24A Phan Đăng Lưu	-	45.360.123.137
Trường Cao đẳng nghề KHUĐ Licogi	21.711.925.884	14.480.765.698
Dự án Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	9.960.713.001	9.089.396.636
Hệ thống Bê tông đầm lăn	-	202.119.515.319
Tài sản cố định khác	-	149.490.000
<i>Mua sắm tài sản</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	31.672.638.885	271.199.290.790

11 . Đầu tư vào công ty con

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Điện Phước	68.042.645.520	58.319.250.000
Công ty TNHH Siêu Thành	60.000.000.000	54.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	24.000.000.000	-
Cộng	152.042.645.520	112.319.250.000

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 31/12/2010

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Điện Phước Vốn điều lệ 150.000.000.000 VND	Tp.Hồ Chí Minh	95%	95%	Xây dựng, đầu tư khu đô thị
Công ty TNHH Siêu Thành Vốn điều lệ 50.000.000.000 VND	Tp.Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng, đầu tư khu đô thị
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 Vốn điều lệ 35.000.000.000 VND	Tp.Hồ Chí Minh	80%	80%	Xây dựng, đầu tư khu đô thị

12 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số lượng CP tại 31/12/2010	Số lượng CP tại 31/12/2009	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty CP Licogi 16.1	600.000	600.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Licogi 16.2	800.000	800.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty CP Licogi 16.5	1.470.000	1.225.000	14.700.000.000	12.250.000.000
Công ty CP Licogi 16.6	1.200.000	1.000.000	12.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Licogi 16.8	400.000	120.000	4.000.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Licogi 16.9	1.240.000	1.240.000	12.400.000.000	12.400.000.000
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	1.200.000	1.200.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn			67.500.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội			371.539.200.000	209.034.448.000
Công ty CP Điện lực Licogi 16			1.500.000.000	-
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông			88.025.933.048	-
Cộng			537.665.133.048	315.884.448.000

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2010

Tên công ty liên kết	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2010	Tỷ lệ góp vốn theo vốn điều lệ	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 16.1	15.000.000.000	6.000.000.000	40%	40%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	20.000.000.000	8.000.000.000	40%	40%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	30.000.000.000	14.700.000.000	49,3%	49,3%	Xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.6	41.000.000.000	12.000.000.000	36,58%	36,58%	Xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	10.840.000.000	4.000.000.000	47,05%	47,05%	Tư vấn, thiết kế, giám sát
Công ty CP Licogi 16.9	25.000.000.000	12.400.000.000	47,2%	47,2%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	24.278.500.000	12.000.000.000	46,2%	46,2%	Chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn	150.000.000.000	67.500.000.000	45,0%	45,0%	Đầu tư kinh doanh bất động
Công ty TNHH Khu đô thị Phủ Hội	985.600.000.000	311.539.200.000	30,0%	30,0%	Đầu tư kinh doanh bất động
Công ty CP Điện lực Licogi 16	50.000.000.000	1.500.000.000	35,0%	35,0%	Xây dựng các công trình điện, hệ thống điện...
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	560.000.000.000	88.025.933.048	22,0%	22,0%	Sản xuất Ethanol nhiên liệu

13 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	70.000.000.000
Cộng	-	70.000.000.000

14 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ	1.335.850.782	94.902.678
Cộng	1.335.850.782	94.902.678

15 . Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại liên quan tới chuyển quyền sử dụng đất dự án	-	488.437.647
Cộng	-	488.437.647

16. Tài sản dài hạn khác	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ký quỹ dài hạn	602.000.000	1.023.196.910
Cộng	<u>602.000.000</u>	<u>1.023.196.910</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngân hàng (*)	286.764.239.582	237.770.594.055
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	60.395.197.380	38.492.000.000
Cộng	<u>347.159.436.962</u>	<u>276.262.594.055</u>

(*) Thông tin bổ sung của khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
VNM 101770 ngày 10/11/2010	NH TNHH MTV HSBC	Thả nổi		366.759.712	Tin chấp
HD 0674/10/TD/I ngày 28/04/2010	Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch	Thả nổi	12 tháng	131.025.668.564	Các khoản phải thu của bên vay từ EVN
HD số 41-09/HĐTDNH/TPB.HCM ngày 20/11/2009	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thả nổi	12 tháng	155.371.811.306	Quyền sử dụng đất và tài sản tại 24A Phan Đăng Lưu, Q. Tân Bình, TP.HCM
Cộng				<u>286.764.239.582</u>	

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	10.032.883.644	1.912.335.880
Thuế TNDN	44.509.666.948	61.078.155.453
Thuế thu nhập cá nhân	1.142.857.751	1.073.585.032
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000
Cộng	<u>55.689.908.343</u>	<u>64.068.576.365</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được tính bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . Chi phí phải trả	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích trước chi phí Dự án Long Tân	35.009.467.681	24.641.152.681
Trích trước chi phí công trình Nghi Sơn - Cty Tuấn Hùng	-	773.925.608
Lãi vay trích trước	361.273.761	540.072.532
Trích trước chi phí thù lao Hội đồng quản trị	-	72.000.000
Trích trước tiền điện, nước	37.590.597	-
Trích trước giá trị chuyển giao theo thanh lý HĐ 976	295.466.864	-
Trích trước tiền thưởng BQL Dự án Long Tân	-	32.900.000
Trích trước chi phí bảo vệ tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu	50.000.000	-
Trích trước chi phí cưỡng chế giải phóng mặt bằng Dự án 83 ha	306.420.000	-
Trích trước chi phí nhà máy Bản Chất	213.619.130	-
Cộng	36.273.838.033	26.060.050.821

20 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	505.231.037	236.641.396
Bảo hiểm xã hội	167.232.033	-
Bảo hiểm thất nghiệp	64.668.192	15.755.519
Công ty CP Licogi 16.6	600.000.000	-
Tổng Công ty CP Bảo Minh	1.909.800.000	-
Cổ tức phải trả	301.930.400	285.053.300
Viện máy và dụng cụ công nghiệp	7.845.162.517	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.408.643.712	54.507.747.995
Cộng	23.802.667.891	55.045.198.210

21 . Vay và nợ dài hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay dài hạn (*)	35.669.912.753	155.017.228.349
Cộng	35.669.912.753	155.017.228.349

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
Số 1412/07/HĐTD Ngân hàng TMCP An Bình	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	77.589.123.233	56.000.000.000	- Nguồn thu từ Tổng Công ty điện lực Việt Nam. - Tài sản hình thành sau đầu tư
34-TPB.HCM/TH/10 Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	18.475.986.900	4.395.197.380	TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc
Cộng			96.065.110.133	60.395.197.380	

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu kỳ trước	136.000.000.000	227.799.104.885	(6.724.000.000)	20.478.433.441	13.600.000.000	98.580.907.918	489.734.446.244
- Tăng vốn trong kỳ	114.000.000.000	278.422.932.853	6.723.950.000	-	-	-	399.146.882.853
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	209.386.989.304	209.386.989.304
- Tăng quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	27.817.211.478	11.400.000.000	-	39.217.211.478
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(5.323.992.800)	(5.323.992.800)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	(60.155.989.514)	(60.155.989.514)
Số dư cuối kỳ trước	250.000.000.000	506.222.037.738	(50.000)	48.295.644.919	25.000.000.000	174.487.914.908	1.004.005.547.565
- Tăng vốn trong kỳ	125.000.000.000	-	(735.000)	-	-	-	124.999.265.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	225.212.619.743	225.212.619.743
- Tăng quỹ từ lợi nhuận thuần	-	-	-	22.521.261.974	17.738.469.798	-	40.259.731.772
- Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	10.502.183.471	10.502.183.471
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(49.999.990.000)	(49.999.990.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(125.000.000.000)	(125.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(67.716.993.746)	(67.716.993.746)
Giảm khác trong kỳ (*)	-	-	-	-	(5.238.469.798)	-	(5.238.469.798)
4. Số dư cuối kỳ này	375.000.000.000	506.222.037.738	(785.000)	70.816.906.893	37.500.000.000	167.485.734.376	1.157.023.894.007

(*) Giảm khác trong năm là do đơn vị sử dụng quỹ dự phòng tài chính để xử lý các khoản công nợ phải thu; phải trả mà không thu hồi được

IN 13

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	375.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	375.000.000.000	250.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	136.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	125.000.000.000	68.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	375.000.000.000	204.000.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia	-	73.323.992.800
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng cổ phiếu	125.000.000.000	-
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	49.999.990.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.500.000	25.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	37.500.000	25.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.500.000</i>	<i>25.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.499.921	24.999.995
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.499.921</i>	<i>24.999.995</i>
- Số lượng cổ phiếu quỹ	79	5
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>79</i>	<i>5</i>
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	174.487.914.908	98.580.907.918
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	225.212.619.743	209.386.989.304
Tăng khác do trích giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2009 theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông	10.469.428.571	-
Trả tiền thưởng ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2009	(4.936.000.000)	-
Cổ tức chưa nhận năm 2007; 2008	32.754.900	-
Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2010	(22.521.261.974)	-
Tạm trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2010	(17.738.469.798)	-
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2010	(22.521.261.974)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2009	-	(11.400.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2009	-	(27.817.211.478)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, từ lợi nhuận 2009	-	(20.938.778.036)
Trả cổ tức năm 2008 bằng tiền	-	(5.323.992.800)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của năm 2008	-	(68.000.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của năm 2009	(125.000.000.000)	-
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền	(49.999.990.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	167.485.734.376	174.487.914.908

Theo Nghị quyết số 06/NQ-Licogi16-ĐHĐCD ngày 03/04/2010 và Quyết định 09/QĐ-ĐHĐCD-Licogi 16 ngày 26/04/2010 của Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 70% trong đó 20% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu. Lợi nhuận năm 2010 được tạm phân phối theo Điều lệ công ty; số phân phối chính thức sẽ được quyết định sau khi họp Đại hội đồng cổ đông.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**23 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về hoạt động đầu tư các khu đô thị	125.940.649.393	296.301.326.929
Doanh thu thuần về các hợp đồng xây dựng	884.771.125.569	212.601.198.252
Doanh thu thuần từ kinh doanh bất động sản đầu tư	832.080.907	1.077.345.598
Cộng	1.011.543.855.869	509.979.870.779

24 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn kinh doanh của hoạt động đầu tư các khu đô thị	55.145.698.788	117.394.849.604
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	764.608.641.513	206.185.179.268
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	418.933.917	768.045.512
Cộng	820.173.274.218	324.348.074.384

25 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.707.004.624	3.618.398.499
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.278.203.054	-
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	7.935.500.000	980.000.000
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	3.905.624.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.652.088	-
Cộng	37.830.983.766	4.598.398.499

26 . Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	27.558.592.206	19.342.790.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.986.768.000	10.389.647.888
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	9.571.350.024	-
Cộng	39.116.710.230	29.732.438.110

27. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	3.549.816.240	9.470.566.667
Thu nhập từ quản lý sở cổ đông và phí sử dụng thương hiệu của các C.ty Cổ phần	1.785.042.560	1.613.293.053
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp	85.461.534.605	110.318.084.502
Thu nhập từ thu phí chuyển nhượng hợp đồng	368.726.695	669.446.599
Lãi chậm nộp	128.491.497	-
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	4.370.448.343	-
Thu nhập khác	17.765.929	191.575.334
Cộng	95.681.825.869	122.262.966.155

28. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý tài sản	376.670.553	-
Chi phí tài sản bán giao cho các đơn vị	3.675.712.452	9.056.292.738
Chi phí thuế chậm nộp	59.361.103	375.505.466
Chi phí khác	8.904.641	1.587.038
Cộng	4.120.648.749	9.433.385.242

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	261.142.474.324	253.952.124.579
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận chịu thuế		
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(7.935.500.000)</i>	
<i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	<i>1.409.480.500</i>	<i>643.600.000</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>74.381.600</i>	<i>62.191.282</i>
<i>Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế</i>	<i>62.539.577</i>	
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: trong đó	254.753.376.001	254.657.915.861
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% thuế TNDN</i>	<i>99.043.592.865</i>	
<i>Thu nhập từ hoạt động KD bất động sản và thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN</i>	<i>155.709.783.136</i>	<i>254.657.915.861</i>
Thuế TNDN hoãn lại	-	488.437.647
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại	(488.437.647)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động KD chính được giảm thuế TNDN (*)	12.380.449.108	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động KD BĐS và thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế	38.927.445.784	63.664.478.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết 30/2008 (**)	(15.378.040.311)	(19.099.343.690)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	35.441.416.934	45.053.572.922

(*) Năm 2006 Công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Năm 2007, 2008 Công ty được miễn 100% số thuế TNDN phải nộp và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009, 2010.

(**) Theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, đơn vị được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý IV năm 2008 và năm 2009, do có số lao động không vượt quá 300 người. Theo quyết toán thuế năm 2008 Công ty được miễn giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp của quý IV năm 2008 là 15.378.040.311 VND nhưng do năm 2008 đơn vị chưa hạch toán nên đơn vị điều chỉnh giảm số thuế TNDN phải nộp năm 2010.



30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (**)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	488.437.647	(488.437.647)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
Cộng	488.437.647	(488.437.647)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc chuyển nợ vay thành vốn góp	3.500.000.000
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc chuyển công nợ thành vốn góp	1.711.080.226
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.000.000.000
Góp vốn vào công ty liên kết bằng tài sản	102.504.752.000

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Công ty TNHH Siêu Thành	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	6.000.000.000
Công ty TNHH Điền Phước	Công ty con	Góp vốn	9.723.395.520
Công ty TNHH XD và Thương mại 12	Công ty con	Chuyển tiền góp vốn	24.000.000.000
		Cho vay	41.000.000.000
		Tiền điện thuê văn phòng	776.525
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	37.513.976.018
		Cho vay	3.200.000.000
		Thu phí quản lý sổ cổ đông	10.909.091
		Phí sử dụng thương hiệu	318.119.787
		Cho thuê hội trường	4.147.000
		Cổ tức nhận được	1.020.000.000
		Lãi cho vay	49.018.056

Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Chi phí thuê phụ các công trình	73.750.006.349
		Thu phí quản lý sổ cổ đông	21.818.182
		Cho thuê hội trường	5.005.000
		Cung cấp vật tư	5.932.622.894
		Phí sử dụng thương hiệu	558.622.894
		Cổ tức nhận được	1.440.900.000
		Lãi cho vay	562.485.711
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Chi phí thuê phụ các công trình	2.237.702.727
		Nhượng lỗ B3-5 + C1-7	239.420.364
		Cho thuê hội trường	5.275.000
		Chi phí quản lý sổ cổ đông	21.818.182
		Bán thanh lý tài sản nhà 24A PDL	14.459.091
		Cổ tức nhận được	1.837.500.000
		Mua cổ phần	2.450.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Chi phí thuê phụ các công trình	316.298.290.420
		Nhượng lỗ B4-1 Dự án Long Tân	954.439.091
		Phí sử dụng thương hiệu	91.393.182
		Cổ tức nhận được	3.000.000.000
		Chuyển tiền mua cổ phần	2.000.000.000
		Cần trừ công nợ với CNLC tiền BT	47.376.382.916
Công ty CP ĐT và PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	Góp vốn	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Cho thuê hội trường	4.021.000
		Chi phí tư vấn thiết kế	1.101.136.155
		Cổ tức nhận được	420.000.000
		Góp vốn	1.400.000.000
		Phí sử dụng thương hiệu	37.582.599
		Chuyển tiền mua cổ phần	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Cho thuê hội trường	5.133.000
		Cho vay vốn	1.300.000.000
		Chi phí quản lý sổ cổ đông	12.727.273
		Cổ tức nhận được	2.040.000.000
		Lãi cho vay	813.916.262
		Phí sử dụng thương hiệu	445.881.818
		Nhượng máy phát điện	63.636.364
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.178.000.000
		Phí sử dụng thương hiệu	95.899.386
		Thanh lý TSCĐ	3.267.707.068
		Chi phí thuê phụ các công trình	6.495.766.620
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Góp vốn	102.504.752.000
Cty TNHH Nhiên liệu SH Phương Đông	Công ty liên kết	Góp vốn	88.025.933.048
Công ty CP Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Góp vốn	1.500.000.000



Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Phải thu			
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết		3.656.063.190
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết		2.920.566.857
Phải trả			
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết		5.539.727.606
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết		18.541.764.772
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết		8.354.345.366
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết		107.930.854.449
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết		54.011.814

IX. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty lập theo lĩnh vực kinh doanh.

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (báo cáo chính yếu)

Chỉ tiêu	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	884.771.125.569	125.940.649.393	832.080.907	1.011.543.855.869
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	120.162.484.056	70.794.950.605	413.146.990	191.370.581.651
Tổng chi phí mua TSCĐ	266.021.702.603		59.285.934.115	325.307.636.718
Tài sản bộ phận	914.960.433.110	434.158.588.244	57.852.368.593	1.406.971.389.947
Tài sản không phân bổ			419.361.014.036	419.361.014.036
Tổng Tài sản	914.960.433.110	434.158.588.244	- 477.213.382.629	1.826.332.403.983
Nợ phải trả của các bộ phận	544.187.422.277	35.315.887.681	235.572.847	579.738.882.805
Nợ phải trả không phân bổ			90.548.004.939	90.548.004.939
Tổng Nợ phải trả	544.187.422.277	35.315.887.681	- 90.783.577.786	670.286.887.744



2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng (hoặc dựa trên vị trí của tài sản) tạo ra doanh thu cho bộ phận

Chỉ tiêu	Lai Châu	Đồng Nai	TP Hồ Chí Minh	Khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	754.086.375.022	184.390.135.258	27.112.025.811	45.955.319.778	1.011.543.855.869
Tài sản bộ phận	166.169.181.491	3.610.972.220	62.884.438.101		232.664.591.812
Tổng chi phí mua TSCĐ	266.021.702.603		59.285.934.115		325.307.636.718

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2010 đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2010



Trưởng Giám đốc

Lê Văn Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84.4) 3824 1990 / 1

Fax: (84.4) 3825 3973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP. HCM:

Số 27 đường Lam Sơn - Phường 2

Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel : (84.8) 3848 5983 - 3848 5776

Fax: (84.8) 3547 1838

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, đường Nguyễn Văn Cừ

TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84.33) 3627571

Fax: (84.33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn

AFFILIATE
INPACT
INTERNATIONAL NETWORK OF
PROFESSIONAL ACCOUNTANTS



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 – 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.	09 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng, tên giao dịch quốc tế Licogi 16 Joint Stock Company, viết tắt là Licogi 16.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302310209 (thay cho số 4103004836) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 20/03/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.000.000.000 đồng, được chia thành 37.500.000 cổ phần, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông :	Lê Văn Nga	Thành viên
Ông :	Nguyễn Duy Bảo	Thành viên
Ông :	Hoàng Minh Khai	Thành viên
Ông :	Vũ Công Hưng	Thành viên
Bà :	Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên
Ông :	Jean-Eric Jacquemin	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Lê Văn Nga	Tổng Giám đốc
Ông :	Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Vũ Công Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trịnh Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông :	Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông :	Phạm Xuân Diện	Ủy viên
Bà :	Phạm Thị Minh Hiền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty Cổ phần Licogi 16.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN NGÀ



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 16

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUỐC DŨNG

PD

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Chứng chỉ KTV số: 1312/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
	TÀI SẢN			
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		1.187.771.132.873	998.633.858.099
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.039.260.379	128.941.565.260
111	1. Tiền		24.039.260.379	37.141.565.260
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	91.800.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	221.655.262.625
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	221.655.262.625
130	III. Các khoản phải thu		480.316.449.970	373.383.766.540
131	1. Phải thu của khách hàng		269.121.839.732	74.960.573.511
132	2. Trả trước cho người bán		43.890.485.707	36.527.192.871
135	5. Các khoản phải thu khác	5	167.686.915.147	262.298.790.774
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(382.790.616)	(402.790.616)
140	IV. Hàng tồn kho	6	621.781.978.585	239.380.809.891
141	1. Hàng tồn kho		621.781.978.585	239.380.809.891
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		61.633.443.939	35.272.453.783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		682.036.748	419.623.363
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		23.745.614.846	17.078.569.930
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.750.000	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	37.204.042.345	17.774.260.490
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)		862.356.059.034	713.236.915.838
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		265.227.980.434	292.383.137.214
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	211.325.610.915	20.209.068.648
222	- Nguyên giá		319.719.712.098	26.939.452.633
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(108.394.101.183)	(6.730.383.985)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	22.229.730.634	974.777.776
228	- Nguyên giá		22.249.730.634	992.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.000.000)	(17.222.224)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	31.672.638.885	271.199.290.790
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		575.472.955.091	403.087.241.389
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	575.472.955.091	333.087.241.389
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	-	70.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.015.123.509	1.606.537.235
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.413.123.509	94.902.678
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	-	488.437.647
268	3. Tài sản dài hạn khác		602.000.000	1.023.196.910
269	VI. Lợi thế thương mại		19.640.000.000	16.160.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		2.050.127.191.907	1.711.870.773.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		860.819.369.648	693.702.432.983
310	I. Nợ ngắn hạn		635.771.968.498	538.662.772.276
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	347.159.436.962	276.262.594.055
312	2. Phải trả cho người bán		122.065.728.040	67.821.630.931
313	3. Người mua trả tiền trước		5.137.103.975	14.784.083.077
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	55.692.738.843	64.068.576.365
315	5. Phải trả người lao động		3.530.906.580	1.164.159.653
316	6. Chi phí phải trả	17	36.273.838.033	26.060.050.821
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	24.930.663.216	56.101.433.210
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		14.424.340	36.054.058
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		40.967.128.509	32.364.190.106
330	II. Nợ dài hạn		225.047.401.150	155.039.660.707
333	3. Phải trả dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	224.860.638.953	155.017.228.349
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		35.779.947	19.432.358
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		147.982.250	-
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		1.181.753.617.450	1.018.168.340.954
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	20	1.181.753.617.450	1.018.168.340.954
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.000.000.000	250.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		509.367.249.112	510.675.309.329
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(785.000)	(50.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		76.048.632.011	50.642.357.622
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		40.122.318.700	26.144.783.637
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		181.216.202.627	180.705.940.366
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		7.554.204.809	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.050.127.191.907	1.711.870.773.937

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Văn Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.011.543.855.869	509.979.870.779
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.011.543.855.869	509.979.870.779
11	4. Giá vốn hàng bán	22	820.173.274.218	324.348.074.384
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.370.581.651	185.631.796.395
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	29.939.034.318	3.618.398.499
22	7. Chi phí tài chính	24	49.902.676.470	29.732.438.110
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.558.592.206	19.342.790.222
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		23.067.108.535	20.895.213.118
30	1 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		148.339.830.964	138.622.543.666
31	1 Thu nhập khác	25	95.681.825.869	122.262.966.155
32	1 Chi phí khác	26	4.120.648.749	9.433.385.242
40	1 Lợi nhuận khác		91.561.177.120	112.829.580.913
45	1 Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	27	31.001.550.934	11.457.265.553
50	1 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		270.902.559.018	262.909.390.132
51	1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	35.441.416.934	45.053.572.922
52	1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29	488.437.647	(488.437.647)
60	1 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		234.972.704.437	218.344.254.857
61	1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(3.389.875.104)	
62	2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		238.362.579.541	218.344.254.857
70	2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	7.369	8.987

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Văn Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		725.645.688.397	593.559.594.921
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(695.561.049.060)	(362.272.559.925)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.435.942.022)	(17.709.945.144)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(27.737.390.977)	(20.848.297.142)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(52.009.905.439)	(35.915.141.269)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		69.746.167.719	58.367.486.587
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(75.729.682.096)	(49.410.805.215)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.082.113.478)	165.770.332.813
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(71.313.886.590)	(134.426.478.916)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		1.200.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(207.423.189.935)	(311.755.262.625)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		499.020.082.560	20.100.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(135.129.352.822)	(56.854.650.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.738.790.973	657.713.116
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		103.092.444.186	(482.278.678.425)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	324.403.645.853
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(735.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		403.698.096.040	406.229.770.336
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(484.626.883.729)	(295.334.321.348)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(2.115.316.362)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(49.983.112.900)	(5.026.033.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(130.912.635.589)	428.157.745.229
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(104.902.304.881)	111.649.399.617
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		128.941.565.260	17.292.165.643
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		24.039.260.379	128.941.565.260

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy

Hoàng Chí Phúc



Lê Văn Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ - BXD ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Xây dựng, tên giao dịch quốc tế Licogi 16 Joint Stock Company, viết tắt là Licogi 16.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302310209 (thay cho số 4103004836) đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 20/03/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 375.000.000.000 đồng, được chia thành 37.500.000 cổ phần, Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có các chi nhánh, công ty con và công ty liên kết sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh		
Chi nhánh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu	Sản xuất bê tông
Công ty con		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Điện Phước	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng và đầu tư hạ tầng khu đô thị khu công nghiệp
Công ty TNHH Siêu Thành	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi. Sản lắp mặt bằng, đầu tư xây dựng Khu dân cư, kinh doanh nhà ở
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	TP Hồ Chí Minh	Xây dựng dân dụng và công nghiệp, cầu đường, sản lắp mặt bằng, đầu tư xây dựng khu dân cư, kinh doanh nhà ở, mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
Công ty liên kết		
Công ty CP Licogi 16.1	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	TP Hồ Chí Minh	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	Tỉnh Đồng Nai	Xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.6	TP. Hà Nội	Xây lắp, đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	TP Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế
Công ty CP Licogi 16.9	Tỉnh Thanh Hóa	- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công kết cấu thép
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	TP Hồ Chí Minh	- Gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng

Công ty CP Đầu tư và PT hạ tầng Nghi Sơn	Tỉnh Thanh Hóa	- Xây lắp, đầu tư
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất Ethanol nhiên liệu;
Công ty CP Điện Lực Licogi 16	TP Hồ Chí Minh	- Xây lắp các công trình điện, đầu tư

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình;
- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm;
- Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (không sản xuất gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật, tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, khai thác đá, khai thác đá có sự dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Đào tạo nghề, giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, đào tạo cao đẳng, giáo dục trung học phổ thông. /.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2010 đơn vị đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ đợt 1 là 125.000.000.000 đồng từ lợi nhuận năm 2009 dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Trong năm công ty đã mua lại 80% phần vốn chủ góp tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 và công ty này trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Licogi 16 từ ngày 23/09/2010.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết

Tổng số các công ty con: 03 công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH XD TM DV Điện Phước	49B Phan Đăng Lưu, P.7, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	95,00%	Xây lắp, đầu tư dự án, kinh doanh bất động sản

Công ty TNHH Siêu Thành	24A Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xây lắp, đầu tư dự án, kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	21/3C Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM	69%	80%	Xây lắp, đầu tư dự án, kinh doanh bất động sản

Tổng số các công ty liên kết: 11 công ty

- Số lượng các công ty liên kết được hợp nhất: 08 công ty
- Số lượng các công ty liên kết không được hợp nhất: 03 công ty

Danh sách các công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo báo cáo tài chính năm 2010 của công ty liên kết.

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 16.1	5/13 Nguyễn Công Hoan, P.3, Q. Bình Thạnh, TP HCM	40,00%	40,00%	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	A2/2A Lê Văn Việt, P.Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Xây lắp, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	49,00%	49,00%	Xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.6	Tầng 4 - Tòa nhà VP Công ty 34, Ngõ 164 Khuất Duy Tiến Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	36,59%	36,59%	Xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	Số 169 Bàu Cát, P.14, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	36,90%	47,50%	Tư vấn thiết kế
Công ty CP Licogi 16.9	xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	49,62%	47,20%	Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công kết cấu thép
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	49B Phan Đăng Lưu, P.7, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	46,15%	46,15%	Gia công, chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng
Công ty Cổ phần ĐT&PTHT Nghi Sơn	Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	45,00%	45%	Xây lắp, đầu tư

Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Đường Hùng Vương, khu phố Tân Thiện, phường Tân Bình, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	22%	22%	Sản xuất Ethanol nhiên liệu;
Công ty CP Điện lực Licogi 16	TP Hồ Chí Minh	35,%	35,%	Xây lắp các công trình điện, đầu tư
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Lô X1 đường D3, Khu dân cư Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	30%	30%	Kinh doanh BĐS

Lý do: Do đơn vị mua cổ phần của Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông và Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16 trong năm 2010 do đó chưa có số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ.

Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội đang trong quá trình đầu tư và chưa có số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ.

Các công ty liên kết này đang trong giai đoạn đầu tư Ban Giám đốc công ty đánh giá việc không hợp nhất các công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

9. Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Licogi 16.8 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA) với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

10. Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Licogi 16.9 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA) với ý kiến ngoại trừ về không kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản.

11. Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16 chưa được kiểm toán.

12. Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA) với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được phải điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng

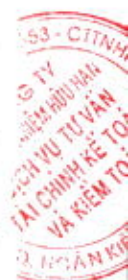
2.6. Tiền và khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.



2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là khối lượng xây lắp của các công trình được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu thanh toán khối lượng hoặc dựa vào hóa đơn do bên nhà thầu thi công xuất sau khi trừ đi giá vốn kết chuyển tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	24 – 25	Năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 08	Năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10	Năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05	Năm
- Phần mềm quản lý	03	Năm
- Giá trị quyền sử dụng đất		Không khấu hao

2.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay bằng vàng công ty đang hạch toán theo công văn số 5376/BTC-CDKT ngày 10/12/2010 của Bộ Tài chính, theo đó không đánh giá lại giá trị của các khoản vay bằng vàng lại vào ngày cuối năm mà chỉ hạch toán vào chi phí tài chính khoản chênh lệch khi thanh toán.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Licogi 16

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí không quá 5 năm.

2.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản:

Doanh thu bán nền đất dự án được ghi nhận khi đơn vị hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và cơ sở hạ tầng, phân lô và bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán công trình hoàn thành.

2.18. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 02/06/2006, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, năm 2010 Công ty tiếp tục được giảm trừ 50% thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

2.20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

2.21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác

3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	3.791.278.281	9.296.427.450
Tiền gửi ngân hàng	20.247.982.098	27.845.137.810
Các khoản tương đương tiền	-	91.800.000.000
Cộng	24.039.260.379	128.941.565.260

4 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư Cổ phiếu ngắn hạn	-	28.155.262.625
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	-	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	175.500.000.000
Cộng	-	221.655.262.625

5 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chuyển nhượng Dự án Long Tân (83 ha)	83.653.883.285	221.642.046.034
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	-	2.000.000.000
Phải thu về tiền góp vào Dự án Khương Thượng	2.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	15.130.798.888	4.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	26.926.630.000	15.996.710.568
Phải thu kinh phí công đoàn	44.453.587	-
Phải thu về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	17.531.896	-
Phải thu khác	39.813.617.491	18.260.034.172
Cộng	167.686.915.147	262.298.790.774

6 . Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.935.202.321	9.422.332.244
Công cụ, dụng cụ	-	10.341.823.899
Chi phí SXKD dở dang (*)	609.346.790.280	211.913.620.936
Hàng hóa bất động sản	6.499.985.984	7.703.032.812
Cộng giá gốc hàng tồn kho	621.781.978.585	239.380.809.891

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>	436.839.226.100	179.295.997.859
Dự án Khu đô thị mới Bảo Lộc	49.548.603.862	34.241.579.791
Dự án Đô thị Nhơn Trạch 50 ha	27.578.964.598	27.544.675.547
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch 83 ha	-	17.068.688.000
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch 27 ha	33.516.543.524	19.280.082.193
Dự án Chung cư Nam An - P. Bình Hưng Hòa- Q. Tân Bình - Tp. HCM	51.561.712.078	51.032.244.030
Dự án Khu dân cư Diên Phước - Nhơn Trạch - Đồng Nai	46.432.953.252	30.128.728.298
Dự án cụm công nghiệp và dân cư Đông Thạnh - Huyện Hóc Môn	64.581.127.320	-
Dự án Khu dân cư Hiệp Thành - Quận 12 - TP Hồ Chí Minh	163.619.321.466	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	37.248.222.958	25.914.112.661
Xây dựng Trạm biến áp Bến Cát - Bình Dương đầu nổi	-	89.214.400
Xây dựng TT điện lực Duyên hải Trà Vinh	1.177.628.478	1.756.363.636
Công trình điện nhà thi đấu Phú Thọ	-	1.869.157.303
Công trình nhà thi đấu Phú Thọ	2.543.937.267	2.543.937.267
Công trình cấp nước TP. Hồ Chí Minh	1.773.352.627	1.773.352.627
Công trình Trường quốc tế Mỹ (AIS) Quận 7	9.553.194.511	-
Công trình hầm chui Tân Tạo	900.647.828	900.647.828
Công trình trạm biến áp 220 kv Thuận An	4.550.652.165	4.550.652.165
Cho thuê nhà, các dịch vụ nhà 24A Phan Đăng Lưu	335.144.890	-
Nhà ở Công nhân ở Nhà máy Bán Chất	1.632.842.397	1.428.127.186
Nhà ở Ban điều hành ở Nhà máy Bán Chất	2.513.755.362	1.296.147.245
Bê tông san phẳng, CVC	9.706.513.004	9.706.513.004
Thi công khoan phụt	2.272.727.273	-
Thi công phụ trợ trạm RCC	287.827.156	-
Bê tông cho Công ty CP Licogi 16.6	133.074.832.458	6.531.726.398
Đầu tư xây dựng nhà ăn + nhà trực	176.424.018	171.784.018
Các công trình xây lắp khác của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	2.008.084.746	-

Cộng

609.346.790.280 211.913.620.936

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản thiếu chờ xử lý
Tạm ứng

31/12/2010 31/12/2009
VND VND

162.253.692 162.253.692
37.041.788.653 17.612.006.798

Cộng

37.204.042.345 17.774.260.490

8 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	685.198.283	9.073.832.612	16.343.917.829	836.503.909	-	26.939.452.633
Tăng trong năm	38.019.072.390	261.827.684.696	5.123.424.848	412.644.517	242.181.818	305.625.008.269
- Mua sắm	-	261.827.684.696	4.990.432.851	130.197.727	-	266.948.315.274
- Tăng khác	38.019.072.390	-	132.991.997	282.446.790	242.181.818	38.676.692.995
Giảm trong năm	-	6.789.452.803	5.961.153.365	94.142.636	-	12.844.748.804
- Thanh lý, nhượng bán	-	6.416.760.990	5.961.153.365	38.997.636	-	12.416.911.991
- Tăng khác	-	372.691.813	-	55.145.000	-	427.836.813
Số cuối năm	38.704.270.673	264.112.064.505	15.506.189.312	1.155.005.790	242.181.818	319.719.712.098
Hao mòn TSCĐ						
Số đầu năm	370.457.494	1.456.888.364	4.307.484.370	595.553.757	-	6.730.383.985
Tăng trong năm	1.864.606.644	99.879.443.656	2.256.555.328	346.266.997	242.181.818	104.589.054.443
- Trích khấu hao TSCĐ	1.622.229.644	99.879.443.656	2.204.265.037	293.616.437	74.561.818	104.074.116.592
- Tăng khác	242.377.000	-	52.290.291	52.650.560	167.620.000	514.937.851
Giảm trong năm	-	875.345.349	2.028.228.937	21.762.959	-	2.925.337.245
- Thanh lý, nhượng bán	-	822.679.498	2.028.228.937	8.578.959	-	2.859.487.394
- Giảm khác	-	52.665.851	-	13.184.000	-	65.849.851
Số cuối năm	2.235.064.138	100.460.986.671	4.535.810.761	920.057.795	242.181.818	108.394.101.183
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	314.740.789	7.616.944.248	12.036.433.459	240.950.152	-	20.209.068.648
Số cuối năm	36.469.206.535	163.651.077.834	10.970.378.551	234.947.995	-	211.325.610.915

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

55.576.000.000

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.665.442.737

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	972.000.000	-	-	20.000.000	992.000.000
Tăng trong năm	21.257.730.634	-	-	-	21.257.730.634
- Mua sắm	21.257.730.634	-	-	-	21.257.730.634
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	20.000.000	22.249.730.634
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	17.222.224	17.222.224
Tăng trong năm	-	-	-	2.777.776	2.777.776
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	-	2.777.776	2.777.776
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	972.000.000	-	-	2.777.776	974.777.776
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	-	22.229.730.634

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>31.672.638.885</i>	<i>271.199.290.790</i>
Nhà 24A Phan Đăng Lưu	-	45.360.123.137
Trường Cao đẳng nghề KHUD Licogi	21.711.925.884	14.480.765.698
Dự án Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	9.960.713.001	9.089.396.636
Hệ thống Bê tông đầm lăn	-	202.119.515.319
Tài sản cố định khác	-	149.490.000
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	31.672.638.885	271.199.290.790

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2010 Số lượng CP	01/01/2010 Số lượng CP	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty CP Licogi 16.1	600.000	600.000	7.652.881.287	8.637.231.327
Công ty CP Licogi 16.2	800.000	800.000	8.989.007.265	11.271.611.711
Công ty CP Licogi 16.5	1.470.000	1.225.000	18.013.481.872	15.908.519.502
Công ty CP Licogi 16.6	1.500.000	1.000.000	17.294.372.143	14.058.148.460
Công ty CP Licogi 16.8	400.000	120.000	4.552.126.248	1.866.617.354
Công ty CP Licogi 16.9	1.240.000	1.240.000	14.903.489.113	13.842.211.614
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	1.200.000	1.200.000	13.884.374.088	15.742.528.927
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn	-	-	89.118.090.027	45.000.000.000
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	-	-	311.539.200.000	206.760.372.494
Công ty CP Điện lực Licogi 16	-	-	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	-	-	88.025.933.048	-
Cộng			575.472.955.091	333.087.241.389

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2010

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 16.1	40,00%	40,00%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	40,00%	40,00%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	49,00%	49,00%	Xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.6	36,59%	36,59%	Xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	36,90%	47,05%	Tư vấn, thiết kế, giám sát
Công ty CP Licogi 16.9	49,60%	47,20%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	46,15%	46,15%	Chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nghi Sơn	45,00%	45,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	30,00%	30,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty CP Điện lực Licogi 16	35,00%	35,00%	Xây dựng các công trình điện, hệ thống điện...
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	22,00%	22,00%	Sản xuất Ethanol nhiên liệu

12 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	70.000.000.000
Cộng	-	70.000.000.000

13 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ	1.345.300.782	94.902.678
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.822.727	
Cộng	1.413.123.509	94.902.678

14 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	488.437.647
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
Cộng	-	488.437.647

15 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngân hàng (*)	286.764.239.582	237.770.594.055
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	60.395.197.380	38.492.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-
Cộng	347.159.436.962	276.262.594.055

(*) Thông tin bổ sung					
Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
VNM 101770 ngày 10/11/2010	NH TNHH MTV HSBC Việt Nam	Thả nổi		366.759.712	Tín chấp
HĐ 0674/10/TD/I ngày 28/04/2010	Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch	Thả nổi	12 tháng	131.025.668.564	Các khoản phải thu của bên vay từ EVN
HĐ số 41-09/HĐTDNH/TPB.HCM ngày 20/11/2009	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thả nổi	12 tháng	155.371.811.306	Quyền sử dụng đất và tài sản tại 24A Phan Đăng Lưu, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Cộng

286.764.239.582

16 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	10.032.883.644	1.912.335.880
Thuế TNDN	44.509.666.948	61.078.155.453
Thuế thu nhập cá nhân	1.145.688.251	1.073.585.032
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000

Cộng

55.692.738.843

64.068.576.365

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích trước chi phí Dự án Long Tân	35.009.467.681	24.641.152.681
Trích trước chi phí công trình Nghi Sơn - Cty Tuần Hùng	-	773.925.608
Lãi vay trích trước	361.273.761	540.072.532
Trích trước chi phí thù lao Hội đồng quản trị	-	72.000.000
Trích trước tiền điện, nước	37.590.597	-
Trích trước giá trị chuyển giao theo thanh lý HĐ 976	295.466.864	-
Trích trước tiền thưởng BQL Dự án Long Tân	-	32.900.000
Trích trước chi phí bảo vệ tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu	50.000.000	-
Trích trước chi phí cưỡng chế giải phóng mặt bằng Dự án 83 ha	306.420.000	-
Trích trước chi phí nhà máy Bàn Chát	213.619.130	-
Cộng	36.273.838.033	26.060.050.821

18 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	513.311.037	242.261.396
Bảo hiểm xã hội	167.232.033	15.755.519
Bảo hiểm thất nghiệp	64.668.192	-
Công ty CP Licogi 16.6	600.000.000	-
Tổng Công ty CP Bảo Minh	1.909.800.000	-
Cổ tức phải trả	301.930.400	285.053.300
Viện máy và dụng cụ công nghiệp	7.845.162.517	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.528.559.037	55.558.362.995
Cộng	24.930.663.216	56.101.433.210

19 . Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay dài hạn (*)	224.860.638.953	155.017.228.349
Cộng	224.860.638.953	155.017.228.349

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
Số hợp đồng					
Số 1412/07/HĐTD Ngân hàng TMCP An Bình	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	77.589.123.233	56.000.000.000	- Nguồn thu từ Tổng Công ty điện lực Việt Nam. - Tài sản hình thành sau đầu tư
34-TPB.HCM/TH/10 hàng TMCP Tiên Phong	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	18.475.986.900	4.395.197.380	TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc
Số 07.0504.24/HĐTD, ngày 20/05/2004 Ngân hàng NN&PTNT Chợ Lớn	0,9%/tháng	60 tháng	71.200.000.000		Thế chấp tài sản
Số 29.07.022/HĐTD, ngày 30/10/2007 Ngân hàng NN&PTNT Chợ Lớn	1,03%/tháng	12 tháng	800.000.000		Thế chấp tài sản
<i>Vay bằng vàng (*)</i>				<i>Số vàng còn nợ</i>	
Ngân hàng NN&PTNT Chợ Lớn	0,38%/tháng	60 tháng	75.520.726.200	5.851,865 lượng	Thế chấp tài sản hình thành trị giá 295.000.000.000 VND
Lê Thiên Tiên	10,5%/năm	24 tháng	41.670.000.000		Tín chấp
Cộng			285.255.836.333	60.395.197.380	

20. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu kỳ trước	136.000.000.000	232.479.309.557	(6.724.000.000)	20.478.433.441	13.600.000.000	101.578.683.387	497.412.426.385
Tăng vốn trong kỳ	114.000.000.000	278.422.932.853	6.723.950.000	-	-	-	399.146.882.853
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	218.344.254.857	218.344.254.857
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	(226.933.081)	-	2.346.712.703	1.144.783.637	(5.737.015.564)	(2.472.452.305)
Trích lập quỹ từ LN thuần	-	-	-	27.817.211.478	11.400.000.000	-	39.217.211.478
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(5.323.992.800)	(5.323.992.800)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	(60.155.989.514)	(60.155.989.514)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	250.000.000.000	510.675.309.329	(50.000)	50.642.357.622	26.144.783.637	180.705.940.366	1.018.168.340.954
Tăng vốn trong kỳ	125.000.000.000	-	(735.000)	-	-	-	124.999.265.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	238.362.579.541	238.362.579.541
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	(1.308.060.217)	-	2.885.012.415	1.477.535.063	(5.637.517.005)	(2.583.029.744)
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	10.502.183.471	10.502.183.471
Trích lập quỹ từ LN thuần	-	-	-	22.521.261.974	17.738.469.798	-	40.259.731.772
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(49.999.990.000)	(49.999.990.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(125.000.000.000)	(125.000.000.000)
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	(67.716.993.746)	(67.716.993.746)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	(5.238.469.798)	-	(5.238.469.798)
	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ này	375.000.000.000	509.367.249.112	(785.000)	76.048.632.011	40.122.318.700	181.216.202.627	1.181.753.617.450

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	375.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	375.000.000.000	250.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	136.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	125.000.000.000	114.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	375.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia	-	73.323.992.800
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng cổ phiếu	125.000.000.000	-
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	49.999.990.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	37.500.000	25.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	37.500.000	25.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	37.500.000	25.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.499.921	24.999.995
+ Cổ phiếu phổ thông	37.499.921	24.999.995
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	79	5
+ Cổ phiếu phổ thông	79	5
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần về hoạt động đầu tư các khu đô thị	125.940.649.393	296.301.326.929
Doanh thu thuần về các hợp đồng xây dựng	884.771.125.569	212.601.198.252
Doanh thu thuần từ kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng	832.080.907	1.077.345.598
Cộng	1.011.543.855.869	509.979.870.779

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn kinh doanh của hoạt động đầu tư các khu đô thị	55.145.698.788	117.394.849.604
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	764.608.641.513	206.185.179.268
Giá vốn hoạt động kinh doanh cho thuê nhà, văn phòng	418.933.917	768.045.512
Cộng	820.173.274.218	324.348.074.384

23 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.750.555.176	3.618.398.499
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.278.203.054	-
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	3.905.624.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.652.088	-
Cộng	29.939.034.318	3.618.398.499

24 . Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	27.558.592.206	19.342.790.222
Lỗ do chênh lệch giá khi thanh toán trả nợ vãng	10.785.966.240	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.986.768.000	10.389.647.888
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	9.571.350.024	-
Cộng	49.902.676.470	29.732.438.110

25 . Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	3.549.816.240	9.470.566.667
Thu nhập từ quản lý sổ cổ đông và phí sử dụng thương hiệu của các C.ty Cổ phần	1.785.042.560	1.613.293.053
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp	85.461.534.605	110.318.084.502
Thu nhập từ thu phí chuyển nhượng hợp đồng	368.726.695	669.446.599
Lãi chậm nộp	128.491.497	-
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ	4.370.448.343	-
Thu nhập khác	17.765.929	191.575.334
Cộng	95.681.825.869	122.262.966.155

26 . Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thanh lý tài sản	376.670.553	-
Chi phí tài sản bàn giao cho các đơn vị	3.675.712.452	9.056.292.738
Chi phí thuế chậm nộp	59.361.103	375.505.466
Chi phí khác	8.904.641	1.587.038
Cộng	4.120.648.749	9.433.385.242

28 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty mẹ	35.441.416.934	45.053.572.922
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	35.441.416.934	45.053.572.922

29 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	488.437.647	(488.437.647)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	488.437.647	(488.437.647)

30 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	238.362.579.541	218.344.254.857
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	238.362.579.541	218.344.254.857
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	24.999.995	13.383.500
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ	7.348.901	3.697.253
Cổ phiếu phổ thông giảm bình quân trong kỳ	(42)	(133.143)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.348.854	16.947.610
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.369	12.883
Phát hành cổ phiếu phổ thông do chia cổ tức bằng cổ phiếu ngày 31/05/2010	12.500.000	7.348.901
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành	32.348.854	24.296.511
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh	7.369	8.987

31 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc chuyển nợ vay thành vốn góp	3.500.000.000
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc chuyển công nợ thành vốn góp	1.711.080.226
Góp vốn vào công ty liên kết thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.000.000.000
Góp vốn vào công ty liên kết bằng tài sản	102.504.752.000

32 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	37.513.976.018
		Cho vay	3.200.000.000
		Thu phí quản lý sổ cổ đông	10.909.091
		Phí sử dụng thương hiệu	318.119.787
		Cho thuê hội trường	4.147.000
		Cổ tức nhận được	1.020.000.000
		Lãi cho vay	49.018.056
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	73.750.006.349
		Thu phí quản lý sổ cổ đông	21.818.182
		Cho thuê hội trường	5.005.000
		Cung cấp vật tư	5.932.622.894
		Phí sử dụng thương hiệu	558.622.894
		Cổ tức nhận được	1.440.000.000
		Lãi cho vay	562.485.711
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	2.237.702.727
		Nhượng lô B3-5 + C1-7	239.420.364
		Cho thuê hội trường	5.275.000
		Chi phí quản lý sổ cổ đông	21.818.182
		Bán thanh lý tài sản nhà 24A PDL	14.459.091
		Cổ tức nhận được	1.837.500.000
		Mua cổ phần	2.450.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	316.298.290.420
		Nhượng lô B4-1 Dự án Long Tân	954.439.091
		Phí sử dụng thương hiệu	91.393.182
		Cổ tức nhận được	3.000.000.000
		Chuyển tiền mua cổ phần	2.000.000.000
		Cần trừ công nợ với CNLC tiền BT	47.376.382.916
Công ty CP ĐT và PTHT Nghi Sơn	Công ty liên kết	Góp vốn	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Cho thuê hội trường	4.021.000
		Chi phí tư vấn thiết kế	1.101.136.155
		Cổ tức nhận được	420.000.000
		Góp vốn	1.400.000.000
		Phí sử dụng thương hiệu	37.582.599
		Chuyển tiền mua cổ phần	2.800.000.000

Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Cho thuê hội trường	5.133.000
		Cho vay vốn	1.300.000.000
		Chi phí quản lý sở hữu	12.727.273
		Cổ tức nhận được	2.040.000.000
		Lãi cho vay	813.916.262
		Phí sử dụng thương hiệu	445.881.818
		Nhượng máy phát điện	63.636.364
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.178.000.000
		Phí sử dụng thương hiệu	95.899.386
		Thanh lý TSCĐ	3.267.707.068
		Chi phí thầu phụ các công trình	6.495.766.620
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Góp vốn	102.504.752.000
C.ty TNHH Nhiên liệu SH Phương Đông	Công ty liên kết	Góp vốn	88.025.933.048
Công ty CP Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Góp vốn	1.500.000.000

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư phải thu, phải trả
Phải thu			
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	Tiền thi công công trình	3.656.063.190
Công ty Cổ phần Licogi 16.9	Công ty liên kết	Tiền thi công công trình	2.920.566.857
Phải trả			
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết		5.539.727.606
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Tiền thi công công trình	18.541.764.772
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết		8.354.345.366
Công ty Cổ phần Licogi 16.6	Công ty liên kết	Tiền thi công công trình	107.930.854.449
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết		54.011.814

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

33 . Thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng

Khoản vay bằng vàng của công ty con là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Chợ Lớn có số dư tại 31/12/2010 là 5.851,865 lượng vàng với giá trị là 75.520.726.200 VND; theo giá vàng tại ngày 31/12/2010 là 36.020.000 VND/lượng thì tổng giá trị khoản vay phải trả là 210.784.177.300 VND; do đó nếu tính theo giá vàng hiện tại thì Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 có 1 khoản nợ tiềm tàng đối với khoản chênh lệch giá trả nợ vay bằng vàng này là 135.263.451.100 VND. Khoản vay này Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 đã dùng để đầu tư vào 2 dự án đầu tư là Khu dân cư 12,5 ha phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và dự án cụm công nghiệp và dân cư Đông Thạnh, Hóc Môn. Công ty ước tính Lợi nhuận thuần thu được từ 2 dự án này là 337.500.000.000 VND.

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

34 . Báo cáo bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty lập theo lĩnh vực kinh doanh.

1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (báo cáo chính yếu)

Chỉ tiêu	Xây lắp	Kinh doanh BĐS	Khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	884.771.125.569	125.940.649.393	832.080.907	1.011.543.855.869
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	120.162.484.056	70.794.950.605	413.146.990	191.370.581.651
Tổng chi phí mua TSCĐ	267.596.804.788	-	59.285.934.115	326.882.738.903
Tài sản bộ phận	1.138.755.221.034	434.158.588.244	57.852.368.593	1.630.766.177.871
Tài sản không phân bổ	-	-	419.361.014.036	419.361.014.036
Tổng Tài sản	1.138.755.221.034	434.158.588.244	477.213.382.629	2.050.127.191.907
Nợ phải trả của các bộ phận	723.933.937.941	35.315.887.681	235.572.847	759.485.398.469
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	90.548.004.939	90.548.004.939
Tổng Nợ phải trả	723.933.937.941	35.315.887.681	90.783.577.786	850.033.403.408

2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng (hoặc dựa trên vị trí của tài sản) tạo ra doanh thu cho bộ phận

Chỉ tiêu	Lai Châu	Đồng Nai	TP Hồ Chí Minh	Khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	754.086.375.022	184.390.135.258	27.112.025.811	45.955.319.778	1.011.543.855.869
Tài sản bộ phận	71.767.304.463	107.528.461.374	1.396.193.527.529	55.276.884.505	1.630.766.177.871
Tổng chi phí mua TSCĐ	266.021.702.603	-	60.861.036.300	-	326.882.738.903

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2010 đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Văn Nga